

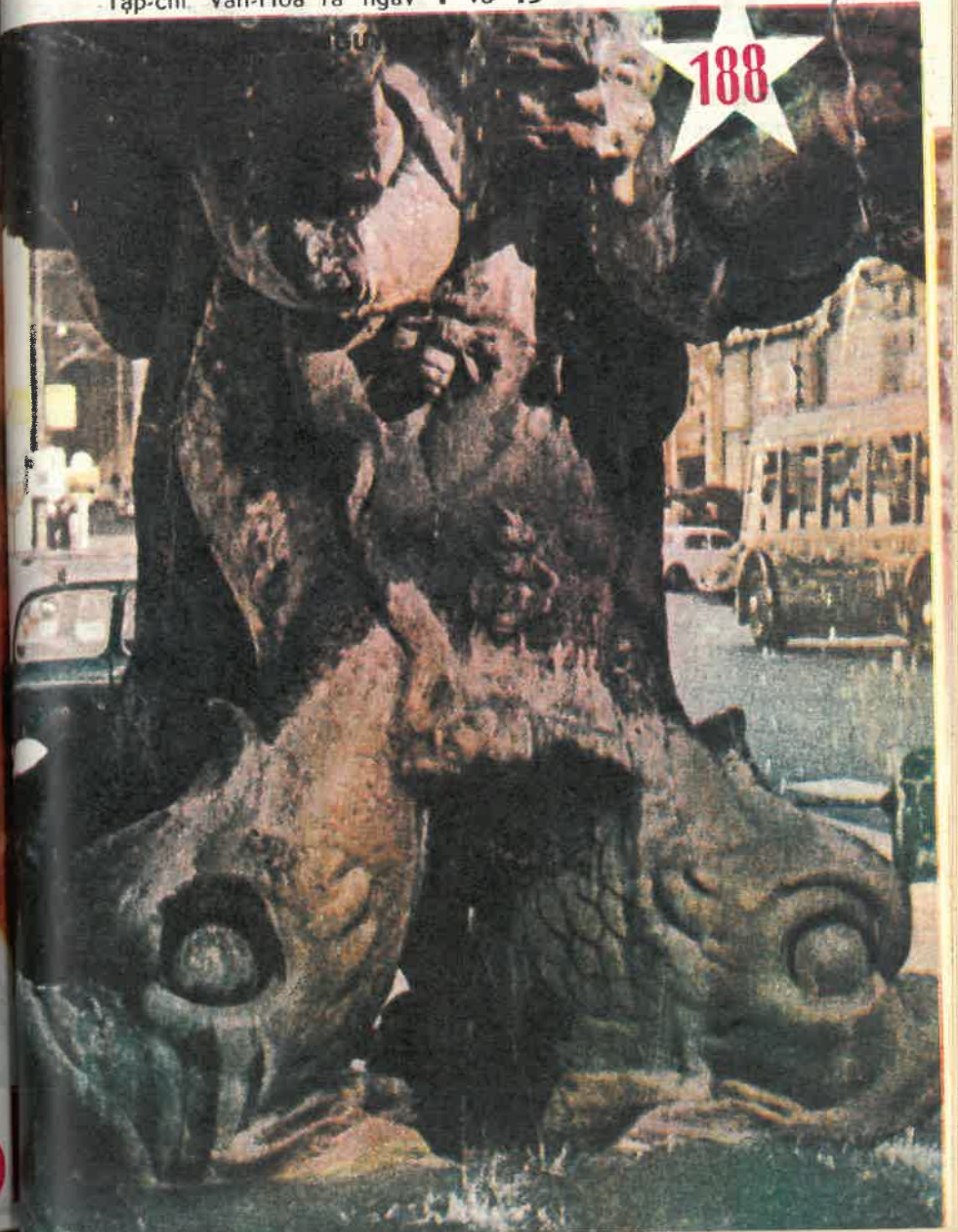
Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

PHỐ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

188

v.9



CORNELL
UNIVERSITY
JUN 26 1967
LIBRARY



ĐAU NHỨC
CẢM CÚM

mido

Loại sách dịch

Những tiểu-thuyết hay nhất Quốc-tế.

Thề theo sự đòi hỏi của số đông bạn đọc trung thành và thân-mến, *Phở Thông tạp chí* phát-hành một loại sách đặc-biệt phổ biến những truyện dài và truyện ngắn hay nhất của các nhà văn nổi tiếng trên Thế-giới. Chúng tôi lựa chọn những tác phẩm đặc-sắc, dịch ra Việt-văn, mỗi quyển dày trên 100 trang và bán giá bình dân để đa số bạn đọc có thể mua được.

Mỗi tháng chúng tôi sẽ phát hành 2 quyển cùng một lúc với *Phở Thông tạp chí*. Bắt đầu ngày 15-4-1967, sẽ lần lượt ra :

★ **Người Mẹ** (*La mère*) của Pearl Buck, nữ văn hào Mỹ, do Hoàng-Thắng dịch;

★ **Bầy Gái** (*Les dés pipés*) của Mac Orlan, văn hào Pháp, hàn-lâm-viện Goncourt do Trịnh văn Tiến dịch;

★ **Những tình duyên ly kỳ** (*Les Amours Singulières*) của Somerset Maugham, Văn-hào Anh, do Diệu-Huyền dịch;

★ **Tình tuyệt vọng** (*Die Leiden des jungen Werther's*) của Goethe, đại văn hào lãng-mạn Đức, do Diệu-Huyền dịch v.v...

Vì số sách in có hạn, quý vị Đa-i-lý cần dùng số lượng bao nhiêu, (giá sách nhứt định 30 \$) và quý bạn đọc muốn giữ trước ấn bản đặc-biệt (loại giấy tốt giá 50\$) xin viết thư liên-lạc về :

Bà NGUYỄN - THỊ - ĐƯỢC
Quản-Lý nhà xuất-bản **PHỞ-THÔNG**
231, Phạm-ngũ-Lão — Saigon
Đ.T. 25.861

PHỒ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỒ BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ IX số 188 * 15-3-1967

1.— Phá sản của chương trình Việt	: Nguyễn-vỹ 6 — 9
2.— Trở lại chuyện đĩa bay	. Võ-Quang-Yến 10 — 19
3.— Ông Nguyễn-dăng-Thục	. Thái-Bạch 20 — 27
4.— Mây lia đỉnh núi (truyện ngắn)	. Hồng Điệp 28 — 36
5.— Người yêu của linh (thơ)	. Đạm Vân 37
6.— Những ai dễ quên xin đừng lo	. Lưu Bằng 38 — 42
7.— Những vũ điệu Cao-Miền	. Lê Hương 43 — 47
8.— Tiếng gọi của đời sống (truyện-dịch)	. Hoài-Khanh 48 — 53
9.— Xuân 18 (thơ)	. Nguyễn Vỹ 54

10.— Non nước Phù Yên (phê bình sách)	. Thiếu Sơn 55 — 58
11.— Hai bài văn lễ	. Phạm văn sơn 59 — 65
12.— Bâng khuâng (thơ)	. Phạm quan Trọng 66 — 67
13.— Những tay lờ trong ngành gián điệp	. Nguyễn Minh 68 — 72
14.— Tâm sự người không quen (thơ)	. Phù-Sạ Lộc 73
15.— Tuổi chàng trai	. Nguyễn Vỹ 74 — 79
16.— Phá sản của chương trình Việt	. N.V. 80 — 81
17.— Minh ơi! nói chuyện về Hoa Đào	. Diệu Huyền 82 — 90
18.— Bạn đọc Việt	. Ph.Th 91 — 95
19.— Đáp bạn bốn phương	. Diệu-Huyền 96 — 100

* Hình bìa : Bồn nước Piazza Barberini ở Rome (Ý)



- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài la cảo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

- Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc : ĐỒNG NAI 270 Đà-Thám — Saigon
- Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa

LONG HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

III.
Phá sản
của
CHƯƠNG-TRÌNH VIỆT
ở
TRUNG-ĐẠI-HỌC
Việt-
Nam

* **NGUYỄN-VỸ**

(Tiếp theo P.T. 187)

NGHIÊN-CỨU kỹ về lý-do khiến các Quốc-gia Á-Phi, kể cả các nước tân-tiến nhất như Nhật, Trung-Hoa, Ấn-độ, Ai-cập, Algérie, Tunisie, Maroc, Syrie, v.v... phải tự bắt-buộc dùng Anh, Đức hay Pháp ngữ trong chương trình Trung Đại-học của họ, chúng ta đã thường được nghe các giới thẩm quyền của các nước ấy cho biết rằng vì tiếng nói của họ, ngôn-ngữ và văn-chương của họ, *không đủ khả-năng diễn đạt đầy đủ, thu hoạch thấu đáo các môn khoa-học và Toán học Tây-phương.*

PHÁ SẢN CỦA...

Các sinh ngữ Tây-Phương đều do 3 nguồn-gốc chính : *latin* (Tây-Âu : Ý, Pháp, Ý-Pha-Nho, Bồ-Đào-Nha, Bỉ) *Germanique và anglo-saxon* (Trung và Bắc-Âu : Anh, Đức, Hòa Lan, Đan-Mạnh, Thụy-Điền, Na-Uy, Thụy-Sĩ, Áo) và *Slave* (Đông-Âu : Nga, Ba-Lan, Serbie, v.v...). *Tất cả những danh từ khoa học và toán.học* (Toán, Lý, Hóa, Vạn-vật, Địa-Chất, Thiên-văn, Khảo-cổ, Nguyên-tử, v.v...) đều phát xuất do 3 nguồn gốc ấy cả. Cho đến văn-phạm, thể-thức đặt câu, phương-pháp và lẽ lối diễn tả, nói tổng-quát là kỹ-thuật ngôn-ngữ của họ đều là những yếu-tố phát-huy khoa-học và toán-học, yếu tố phân tách và phối hiệp, yếu-tố phát minh và thực nghiệm, từ thời kỳ khoa học phối thai trải qua bao nhiêu thế kỷ cho đến mức độ tối cao ngày nay. Chúng nó, — khoa học và toán-học Tây-phương, — đã thành ra một tổng hợp chặt chẽ, đúc kết, liên hệ móc nối với nhau, và tiếp tục phát triển theo một tiến trình (un processus) cố kính, đã sẵn sàng, đã trang bị đầy đủ, không thể tách rời ra, phân tán ra được nữa.

Trái lại, các ngôn ngữ Á-Phi của các dân tộc và các quốc gia đã kể trên, đều thiếu hầu hết các yếu tố cần thiết để thấu triệt và thích dụng khoa học, và toán học Tây-phương. Cho nên buộc lòng các nước Á-phi phải *gạt bỏ tinh tự ái dân tộc* ra một bên, và đành phải học các sinh ngữ Tây-phương để hiểu và áp dụng triệt để các môn khoa học tân tiến của họ, để theo kịp họ.

Trên cương vị dân tộc Việt-nam, chúng ta không ngần ngại đặt ra câu hỏi :

Tiếng Việt-nam có được một ngữ vựng phong phú và

PHA SẢN CỦA...

có đầy đủ khả năng, đầy đủ kỹ thuật chính xác và minh bạch (technique de précision et de clarté) thích ứng với sự học hỏi và nghiên cứu khoa học tối tân và toán học tối cao hiện đại hay không?

Tôi xin trả lời thẳng thắn là « KHÔNG ». Và tôi tin chắc chắn 100 phần trăm rằng tất cả những người có can đảm nhìn thẳng vào sự thật, gạt bỏ lòng tự ái quốc gia và mọi kêu căng tự phụ ra một bên, đều không trả lời trái lại.

Cũng như tất cả đồng bào, tôi hằng diện nhận thấy rằng *tiếng Việt Nam rất dồi dào, rất đẹp, diễm tuyệt trên bình diện VĂN CHƯƠNG và NGHỆ THUẬT. Văn Thơ Việt Nam không kém văn thơ của bất cứ một dân tộc ngoại quốc nào trên tao đàn quốc tế.* Tôi có thể không ngần ngại nói quả quyết rằng Văn chương Việt Nam còn sung túc hơn, thâm thúy hơn văn chương của người Mỹ nữa. Đã nghiên cứu về lịch sử văn học của nhiều nước Đông-Nam-Á, và đã được đọc khá nhiều tác phẩm nổi tiếng của số đông văn thi sĩ của họ, tôi không cần phải giả vờ khiêm tốn mà xin nói ngay thẳng và vô tư rằng Dân-tộc Việt-Nam chiếm một địa vị bậc nhất trong toàn-thế văn chương Đông-Nam-Á, từ quá khứ đến hiện đại.

Tôi nói như vậy để trả lời luôn thề cho những kẻ vọng bôn và mù quáng, như loại Phạm duy Khiêm ở Paris dám nói ngớ ngẩn rằng tiếng Việt không phải là một ngôn ngữ văn minh, và văn chương Việt không đáng giá.

Tôi nhấn mạnh một lần nữa rằng *đề diễn tả về văn, thơ, tình cảm, tâm lý, thực tế quốc-gia, xã hội, nói chung*

PHÁ SẢN CỦA...

là đời sống tinh thần và vật chất của dân-tộc và của nhân-loại, tiếng Việt và văn chương Việt rất dồi dào, thâm trầm đầy đủ, và lễ nhị, một trong những ngôn-ngữ hoa-lệ nhất của thế giới văn minh.

Nhưng, hoàn toàn khách quan, không cần hồ thẹn giả dối, tôi cũng phải nói thẳng thắn rằng *trên lĩnh vực toán học, và khoa học, tiếng Việt nghèo-nản lắm, thiếu nhiều lắm, thiếu tất cả, chẳng có gì để cứu vớt một chút gì diệp với các sinh ngữ Tây-phương.*

Đứng trước ảnh tượng đồ sộ, vĩ đại của Cao học Toán pháp và Khoa học tiến bộ tối tân của thế kỷ XX, tiếng Việt thuần túy của ta gần như một con số không.

Ngày nay nếu may mắn có một lớp người Việt-Nam đã hiểu thấu triệt được khoa học Tây Phương, và một số người Việt Nam đã trở nên các nhà bác học ngang hàng với các nhà thông thái quốc tế về các bộ môn khoa học tân tiến, các vị kỹ sư nguyên tử học, vật lý học, hóa học, các nhà nhạc sĩ và bác sĩ lừng danh với thế giới về y-khoa, là nhờ họ đã học hỏi, tìm tòi nghiên cứu bằng sinh ngữ Tây Phương, bằng tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Nga, với những giáo sư thông thái của Ngoại Quốc, họ đã học thẳng nơi nguồn gốc phát xuất của khoa học hiện đại.

Một Bửu-Hội, một Hoàng-xuân-Hãn, và hàng chục hàng trăm Bửu-Hội, Hoàng-xuân-Hãn, sở dĩ đã lam về-vang cho trí thức Việt-Nam, không kém sút các nhà bác học lừng danh quốc-tế, ngồi ngang hàng với các bậc thông thái của thế giới về khoa học, y-học, toán-học, chính là nhờ họ đã qua tận bên các trời Âu-Mỹ và đã rèn luyện tất cả khí cụ thông thái của trí óc ngay nơi các lò lửa nung-đúc ra gan thép của khoa học và văn minh cơ khí.

(xem tiếp trang 80)

C H Ồ N G tôi đã có dịp trình bày: trên tờ **Phổ-Thông** một vấn đề mà giới khoa học chính thức nhiều nước tán tiến hoặc chưa chịu công nhận, hoặc cho là một chuyện hoang đường sinh ra từ trí tưởng tượng của nhiều người yếu bóng vía: chuyện đĩa bay. Mặc dầu vậy, một số lớn những nhà thiên văn vật lý học phải chịu nhận có một số dữ kiện lạ thường mà đến nay khoa học chưa giải thích được. Sau bài báo, một bạn đọc có viết thư cho tôi, thắc mắc vì sao tôi còn hồ nghi và chưa biết nơi xuất xứ của đĩa bay. Theo bạn ấy đã đọc trong một tạp chí Mỹ, đĩa bay chỉ là một loại khí giới bí mật của Hoa Kỳ. Trong những tài liệu, báo chí mà tôi đã được biết, vấn đề những thiên thể di chuyển lạ thường mà người ta thường nôm na gọi là đĩa bay, chưa được giải thích. Và vừa rồi ông

**HAI
SỰ-TÍCH
LY-KỶ:**

LẠI CHUYỆN ĐĨA BAY BÍ MẬT

● *Võ-Quang-Yến*
(Paris)

LẠI CHUYỆN ĐĨA BAY

Bộ trưởng Không quân Hoa Kỳ tuyên bố sẽ nhờ nhiều viện Đại học khảo cứu đồng thời cho xuất ra một triệu Mỹ kim để bắt đầu thực hiện công tác, như vậy đủ thấy chính phủ Hoa Kỳ ít chắc chắn hơn nhiều nhà báo. Tôi cũng có hứa với bạn đọc ấy sẽ tiếp tục viết thêm về đề tài này và sau đây là hai tài liệu ly kỳ nhất.

Câu chuyện hai viên sĩ quan ở Angleton

Chuyện này do Aimé Michel kể trong tạp chí *Planète* số 29, tháng 7-8 năm 1966.

Hôm 3-9-1905, vào khoảng 11 giờ đêm, hai sĩ quan công an vùng Angleton ở Texas bên Hoà Kỳ: B. E. MacCoy và Robert Goode đi tuần trên một quan lộ. Goode cầm lái xe hơi mặc dầu tay trái bị thương (chiều hôm đó một con vật cắn một ngón tay của ông ta và phải băng lại). Thình lình hai người thấy ở chân trời, bên mặt, sau một quãng đồng xanh, một điểm sáng đỏ mà mới đầu chẳng nhận ra được gì. Dần dần điểm sáng tỏ hơn và thấy như hình tròn. Goode cho là ánh sáng một mỏ dầu hỏa. Khi ấy, một điểm

sáng thứ nhì, màu xanh, yếu hơn, như đã từ điểm thứ nhất mà ra. Hai người liền nhận ra cả hai điểm đều dính vào một vật thể màu xám mà vật này vừa mới tự xoay trên mình một góc 90 độ. (Trước khi vật ấy xoay, điểm sáng xanh nằm sau điểm sáng đỏ nên bị che lấp. Xong, hai điểm sáng rời chân trời lên cao dần. MacCoy ra lệnh bảo Goode cho dừng xe nhưng vẫn để máy chạy, Goode cho hạ kính xe và thả cánh tay bị thương ra ngoài xe. Một vài giây sau, vật xám lại gần xe hơi và cùng dừng lại. Cả hai người nhận thấy vật ấy chuyển động rất lạnh mà dừng lại cũng thật lạnh. Bắt đầu từ bảy giờ, vật thể hình bầu dục, bằng kim loại trông rất rõ. Trên mình nó chẳng có hình vẽ, chữ viết gì; cũng chẳng thấy có cửa sổ, bánh xe hay cột dây ăn ten. Điểm sáng đỏ hình chữ nhật nằm bên trái. Điểm sáng xanh cũng hình chữ nhật rất yếu hơn. Giữa vật thể và hai viên sĩ quan có nhiều cột điện thoại nhờ ánh sáng mạnh của điểm đỏ, hai người thấy được rõ bóng các cột điện thoại và từ đấy ước ra kích thước vật thể. Hai điểm sáng cách nhau khoảng 60 thước, điểm sáng đỏ nằm cách mặt đất 15 thước và cách hai người khoảng 50 thước. Điểm sáng đỏ kh ng những chiều rõ mặt đất mà cả đến phía trong xe hơi.

Bên phần Goode, ông thấy ngoài xe ngày càng nóng thêm. Xin nhớ là Goode bỏ thông cánh tay trái bị thương ở ngoài xe. MacCoy thì chẳng thấy nhiệt độ thay đổi. Cũng nên để ý là kính xe bên phía MacCoy luôn đóng nhưng điều lạ hơn là vật thể đứng ở trước xe, bên mặt chứ không phải bên trái. Vậy thì vì sao MacCoy không thấy nóng, chẳng khác, vì sao nhiệt độ không tăng lên ở trong xe? Đến một lúc, Goode như bị kích thích và mặc dầu lệnh của MacCoy, nổi nóng cho xe chạy đi. Theo trong biên bản, xe đã đạt đến 170 cây số 1 giờ. Sau này, Goode giải thích sức nóng đã làm ông ta điên đầu! Trong lúc Goode phóng xe, MacCoy vẫn theo dõi vật thể bí mật, thấy nó hạ xuống đất, rồi trong một lúc điểm đỏ bật sáng ghé rợn, nó bay lên cao rồi biến mất. Xe chạy được vài cây số thì Goode trở lại yên tĩnh và cho dừng xe. MacCoy liền ra lệnh cho xe chạy trở lại chỗ trước nhưng lần này xe hướng ngược lại và tấn kích hồi này lại diễn ra. Hai điểm sáng hiện ra, gần một bên lần trước, nhưng lần này Goode ở bên

phía vật thể, lại mất bình tĩnh và lại phóng xe cho chạy. Thấy vậy, MacCoy liền quyết định bỏ khảo sát và ra lệnh cho xe quay lại hướng Angleton, cách đây 18 cây số, là nơi tổng hành dinh và đây là điều kỳ lạ nhất trong chuyện này: vừa nói chuyện trong xe, hai người vừa nhận thấy Goode cầm lái với cả hai tay, nghĩa là tay trái hết còn bị thương, mở băng ra, Goode thấy chẳng còn sưng chút nào!

Nhiều câu hỏi và nhận định đã được rút ra từ chuyện hai viên sĩ quan này. Nếu chịu nhận biên bản của hai người ấy, tất là chịu nhận không những sự hiện diện của vật thể bí mật mà còn những hiệu ứng đã gây ra về mặt thần kinh (nhiệt độ, xẹp sưng) cũng như về mặt tâm lý (sợ hãi bất thường ở một viên sĩ quan đứng tuổi) Hay là cả hai viên sĩ quan hoặc đều bị ảo tưởng cùng lúc, hoặc đồng thời không biết thức biệt một hiện tượng tâm thương? Ta có thể có nhiều giả thuyết dựa trên ảo tưởng hay cách thông diễn sai lầm, nhưng ta cũng có thể tin

hai viên sĩ quan đã kể đúng sự thật.

● Câu chuyện hai vợ chồng Hills ở White Mountains.

Trong tờ báo Look, Số 4 ra ngày 18-10-1966, nhà báo John G. Fuller đã có thuật lại chuyện sau đây:

Tối hôm 19-9-1961, hai vợ chồng Barney và Betty Hills, trên đường từ Canada về, đang chạy qua White Mountains. Bà vợ Betty thắc mắc vì thấy trên bầu trời bên trái, dưới mặt trăng một chút, một điểm sáng như một ngôi sao nhỏ. Sau đấy bà thấy một điểm khác, sáng hơn, nằm phía trên điểm trước. Lúc đầu, bà chẳng nói chi, nhưng điểm sáng ngày càng lớn, bà ta chỉ cho ông chồng. Barney cho là một vệ tinh nhân tạo. Điểm sáng khi ẩn, khi hiện sau lá cây. Ông cho là một ảo tưởng quang học do xe chạy đã gây ra cử động của điểm sáng. Đến một lúc, con chó bắt đầu cựa quậy. Ông cho dừng xe để con chó tự do chạy nhảy. Lúc ấy, ông nhận thấy điểm sáng thật đã cử động, di chuyển. Ông lại cho xe chạy, nhìn thoáng ngược nhìn điểm

sáng quanh qua, quần lại như không theo một chiều hướng nhất định. Ông cho là một máy bay bị lạc lối... Nhưng vật thể như tưởng rất gần và chẳng có tiếng động. Ông liền đem ống nhòm ra nhìn. Vật thể hình bầu dục nhưng chẳng có cánh. Hai bên sườn hai dãy đèn lần lượt nhấp nháy từ đỏ thắm qua hồng phách rồi trở về xanh lục. Con chó cũng bắt đầu gầm gừ. Xe chạy vào Cannon Mountains. Vật thể như tưởng theo dõi khi bay bên trái, khi bên mặt, khi trước, khi sau, nhưng không khi nào rời xa. Barney cho xe chạy lạnh, vật thể cũng bay theo lạnh. Đến India Head, Barney cho dừng xe, vặn đề máy chạy và ra khỏi xe. Vật thể đứng đứng trên không, quá đầu ngọn cây, cách xa khoảng vài chục thước. Những điểm sáng bây giờ đều tắt hết, vật thể trông trắng xóa và giống một chiếc bánh tròn khổng lồ. Bỗng chốc vật thể bay một vòng quanh và đổ xuống thửa ruộng cách trước xe hơi độ 60 thước. Barney liền ý thức ông đang tự mình bước tới vật thể như bị một cái gì thúc đẩy. Betty thấy chồng hiện mắt trong đêm tối liền kêu lớn

LẠI CHUYỆN DĨA BAY

tên chồng nhưng chẳng thấy trả lời. Sau này, Barney bảo chẳng có nghe vợ kêu. Betty tiếp tục la lớn. Sau cùng, Barney trở về lại, đẩy Betty lên xe, đến lượt mình nhảy lên và phóng xe chạy. Thoảng chốc, một thứ rung động lạ thường diễn ra trong xe và một cảm tưởng sương mù đè nén lên hai vợ chồng. Ngang đây một lỗ trống hiện ra trong óc não Betty và Barney. Họ chỉ còn nhớ lại chạy xe trên đường như hai người mất đầu. Hai chiếc đồng hồ đeo tay đều kẹt đứng và không bao giờ chạy lại được. Một tấm bảng mang tên Concord chỉ họ biết đã chạy luôn 50 cây số mà chẳng biết. Đến sáng hai vợ chồng về đến nhà. Đồng hồ ở nhà chỉ 5 giờ mà đúng ra họ phải về tới khoảng 3 giờ. Cả hai đều có một cảm tưởng khó chịu quánh nhầy. Barney thấy ngứa ngứa ở bụng dưới, xem xét hồi lâu rồi cả hai vợ chồng đi ngủ.

Chiều hôm đó, họ thức dậy lúc 3 giờ. Nhìn thấy áo quần, Betty cảm thấy một cái gì ghê tởm. Bà ta liền bỏ vào góc tủ và không muốn mở đựng đến nữa. Còn Barney thì nhận thấy mũi

đầy bị rách ở phía trên như ông ta đã bị kéo sập đi. Betty kêu giãy nói kể chuyện cho cô em nghe. Cô này nhớ ra một người láng giềng là một nhà vật lý học liền khuyên anh chị lại hỏi thăm. Thấy hai chiếc đồng hồ bị hư, ông liền đề nghị kiểm một cái la bàn để xem xe hơi có chỗ nào bị tác dụng nam châm không. Betty tìm ra trên hòm xe nhiều đám tròn và sáng như bụi đã bị chùi đi. Ở những chỗ này, tìm la bàn động dấy dữ dội, chúng có một cuộc tử hóa mãnh liệt. Hai vợ chồng Hills liền báo cho sở Không-Quân Hoa kỳ vì biết có cơ quan điều tra về hiện tượng này. Những nhân viên ở đây bảo họ đã nghe kể những chuyện tương tự và khuyên hai vợ chồng cứ yên tâm, chẳng nên sợ hãi. Fuller sau này có viết ra một cuốn sách về chuyện ấy, nhan đề là The Interrupted Journey. Chuyện thật kỳ kỳ vì chưa hết.

● Bác sĩ Simon dùng thời miên tìm sự thật

Nhiều tháng sau, sức khỏe của Barney sụt dần; ung sang ở bao tử, huyết áp tăng gia và nhiều

LẠI CHUYỆN DĨA BAY

triệu chứng khác chỉ rõ một áp lực tinh thần. Sau cùng, cuối tháng 1-1962, hiện tượng cuối cùng đáng lo nhất: nhiều mụn com hiện ra trên da bụng dưới thành từng đám tròn. Mùa hè năm đó, không chịu đựng được nữa, Barney lại khám bác sĩ. Thầy thuốc lo chữa ung sang và huyết áp rồi gửi lại một nhà chuyên trị tinh thần, bác sĩ Duncan Stephan ở Exeter. Một năm sau, bệnh chẳng giảm được chút nào, ông ta liền khuyên Barney lại khám một trong những nhà tinh thần bệnh học có tiếng nhất Hoa kỳ, bác sĩ Benjamin Simon ở Boston. Ông này không những là một nhà bác học có tiếng tăm về những công tác trong địa hạt thời miên và tinh thần bệnh học mà còn là một nhân vật chính thức. Ông đã từng điều khiển Trung tâm tinh thần bệnh học Quân đội Hoa kỳ trong thế chiến vừa qua. Ông chịu nhận kiểm cách chữa Barney và cả bà vợ Betty với phương pháp ông thích dùng nhất là thời miên.

và bây giờ là phần kỳ quái nhất của câu chuyện. Xin biết là tất cả những lời khai của

Barney và Betty Hills trong lúc thời miên đều có thu vào máy do bác sĩ Simon công chính trước khi Fuller dùng làm tài liệu để viết thành sách. Bác sĩ Simon đã không ngần ngại vượt qua biên thùi vô thức đã che lấp trí nhớ. Sau đây xin nhường lời lại cho Barney kể từ lúc bắt đầu tiến lại vật thể bí mật:

— Tôi cảm thấy một cái gì dọa nạt tôi. Tôi muốn cứ một khi giới để tự về. Tôi dừng lại, mở hòm xe và nắm lấy cái cán kích. Tôi muốn lấy cả cái ống nhôm thì nó đã đứng trước mặt tôi: một con người, một sinh vật. Nó nhìn tôi, vật thể thì tròn, có cửa sổ và một cái đèn, dọi thật sáng. Chẳng giống gì một chiếc máy bay Tròn như một cái bánh trắng. Còn có nhiều người khác mà một đũa có vẻ tử tế. Đầu nó tròn và rộng, mắt nhếch, không phải như người Á đông mà giống như thỏ, nghĩa là có thể thấy một bên. Tôi chẳng biết Betty ở đâu. Tôi chẳng còn nghe gì. Và người ấy nói với tôi cái gì, mặt đầu môi nó đang động dẩy. Nó bảo: «Đừng sợ, đừng sợ». Nói cho đúng, nó

chẳng nói mà là tôi tự cảm thấy. Mắt nó làm tôi sợ quá. « Đừng sợ, đừng có động đây ». Chúng ở trong óc não tôi. Và tất cả những người ấy đều đứng đấy, mặt toàn đỏ xầm. Một người trong số ấy như tưởng là viên chỉ huy. Tôi liền bỏ chạy về xe hơi, gặp Betty và phóng xe chạy nhanh.

Đây là tóm tắt lời khai của Barney còn phải lọc kỹ vì là những lời thốt ra trong lúc bị thôi miên. Nhưng còn hai giờ mà cả hai vợ chồng quên mất, không biết đã làm gì. Hãy nghe Barney thuật tiếp :

— Chúng tôi nghe tiếng động lạ trong xe như tiếng điện tử. Có nhiều người đứng ở giữa đường. Thấy rõ như ban ngày. Chúng tiến lại và tôi quên mất cái cần kích. Chúng đưa tôi ra khỏi xe, hai chân lét đất. Tôi cảm thấy yếu, tôi chẳng sợ. Bấy giờ, chúng đưa tôi lên một cái gì, chân tôi hết còn chạm đất. Tôi chẳng muốn mở mắt ra. Như tưởng chúng sắp mổ tôi. Tôi chẳng sợ. Tôi có cảm tưởng chúng áp một cái gì lạnh vào bụng dưới của tôi. Chẳng ai nói gì. Tôi nghĩ nếu tôi chẳng động

đây thì chúng không hại tôi. Xong, tôi được thả đi. Mở mắt ra, tôi thấy đang ở trên đường lại xe hơi. Betty cũng đang trở về lại xe hơi. Nàng vào xe chẳng nói gì. Tôi cũng vào xe. Hai vợ chồng nhìn nhau mỉm cười, ngo ngác. Rồi chúng tôi thấy một ngọn đèn sáng tiến lên trời cao : vật thể đã bay đi. Chúng tôi khoan khoái. Tiếng động vẫn còn trong xe hơi. Bỗng nhiên tôi thấy tấm bảng : Concord.

Đến lượt Betty bị thôi miên. Lúc đầu, những lời khai của bà tương tự như ông chồng :

— Nhiều người tiến lại xe hơi. Tôi rất sợ. Chúng kéo tôi ra khỏi xe hơi. Tôi thấy Barney bước đi. Một người nói với tôi : « Đừng sợ, đừng sợ, chẳng ai làm gì bà đâu ». Giọng nói là lạ. Chúng đưa tôi vào vật thể. Tôi thấy Barney vào một phòng khác. Tôi kêu lên : « Đề Barney với tôi » nhưng có người giảng cho tôi phải xem xét. Riêng biệt mỗi người. Chúng xắn tay áo tôi, cọ sát với một cái máy giống như một cái kính hiển vi. Chúng nhặt một vi da tôi bỏ vào trong một cái hộp. Đặt tôi nằm xuống, chúng xem xét miệng, họng, răng,

tai.. rồi mở dày xem xét chân tôi. Một người mở một cái hộp có nhiều kim nối liền với một sợi dây rồi cho mũi kim chạy khắp mình mình. Xong nó cho thọc vào rún một cái kim lớn. Tôi thét lên vì đau. Tôi xin đi thì chúng bảo đợi Barney. Tôi nói chuyện với một người xem như viên chỉ huy, bảo chuyện vừa xảy ra rất khó tin và tôi muốn có một cái gì để sau này làm bằng chứng như quyển sách lớn kia. Nó bảo dù sao tôi sẽ quên hết, tuy vậy nó cho tôi xem quyển sách. Tôi không hiểu được chữ viết. Tôi hỏi chúng từ đầu lại. Nó giờ cho tôi xem một cái bản đồ có nhiều chấm lớn, nhỏ có những đường nối liền với nhau. Nó hỏi tôi có biết tôi ở đâu trên bản đồ này không. Tôi trả lời không. Nó liền bảo không thể giảng cho tôi và cắt mất tấm bản đồ. Sau đấy chúng nhận thấy có thể lấy hàm răng của Barney ra. Tôi bảo đấy là một hàm răng giả. Dùng để thế hàm răng thật khi ta trở nên già. Chúng hỏi lại : « Già là gì ? — Già là khi ta lớn tuổi. — Tuổi là gì ? — Tuổi là đo với số năm. — Năm là gì ?.. » Chúng hỏi và tôi tiếp tục trả lời.

Nói tóm lại, theo Betty, chúng chẳng biết gì, hiểu gì. Sau này, Barney còn thêm, ông cũng có nghe bảo bao nhiêu trí nhớ của ông sẽ bị hủy bỏ về khoảng thời gian vừa qua.

Hai vợ chồng Hills có kẻ đúng sự thực không ?

Sau này cả hai vợ chồng Hills có thử vẽ lại hình thù những sinh vật đã gặp : nhỏ con sợ lớn, đầu nhọn về phía dưới, mắt rộng và nhếch một bên. Riêng Betty còn thử nhớ và họa lại bản đồ đã thấy.

Theo Bác sĩ Simon, cả hai đều đã khai những điều mà họ tưởng là sự thật tuyệt đối, nghĩa là sự thật ấy có thể không phải là sự thật khách quan. Câu hỏi ở đây là những lời khai của Barney và Betty Hills có phải là sự thật khách quan không.

Những bằng chứng thuận có hai loại :

1) Những dữ kiện khách quan : từ hóa những bộ phận của xe hơi, từ hóa hai chiếc đồng hồ đeo tay, mụn cơm trên bụng dưới của Barney. Những dữ kiện này ai cũng có thể thấy được. Tuy nhiên ta cũng nên

biết rất dễ tạo ra những vật bị từ hóa. Đàng khác nhiều chuyên gia cho mụn cơm có thể do bệnh tinh thần gây ra Hai giả thuyết này xem như tuồng chống đối nhau: nếu Barney tự đặt ra chuyện thì sao lại mắc phải bệnh tinh thần? Có thể bảo là cả hai vợ chồng bị ai lừa phỉnh, nhưng ai có thể dựng lên một trò chơi với những thí nghiệm sinh vật học và tâm lý sinh vật học mà không một nhà bác học nào trên thế giới ta ở hiện nay có thể lặp lại được? Hay là; để xét cho đến cùng, bác sĩ Simon đã hoàn toàn bịa đặt câu chuyện phi thường này? Trên đầu câu chuyện, tôi đã có nhấn mạnh bác sĩ Simon là một nhân vật chính thức để độc giả có thể tự trả lời câu hỏi vừa đặt ra

2) Cách thông diển những lời khai: những chuyện gia về vật thể bí mật chịu nhận nhiều chi tiết như cơ thể những sinh vật đã thấy, giống hần những chi tiết đã đượm lật đượm trong những trường hợp khác Về cuộc từ hóa những vật liệu cạnh chỗ vật thể đồ xuống đất, người ta cũng đã nhận thấy ở những chỗ khác. Đặc biệt một câu chuyện

tương tự đã xảy ra hôm 14-10-1957 ở bên xứ Brésil mà chỉ một vài nhân vật cao cấp biết được hồ sơ. Nếu trên kia giả thử có ai làm trò đùa, người ấy ắt đã đợc đợc bản hồ sơ kia.

Một nhà thiên văn học cho những lời khai của Betty không đúng khi bà bảo những sinh vật kia không hiểu được những tiếng già, tuổi, năm. Cũng không đúng khi chúng bảo Barney và Betty sẽ quên hết mọi chuyện xảy ra vì trí nhớ bị gọt rửa mà sau này chỉ thôi miên là bác sĩ Simon bắt khai lại đợc hết. Theo ông ta, thật một người nào đã đùa chơi, nhưng muốn thực hiện trò đùa này, người ấy phải ở một thế giới khác lại, với những kiến thức khoa học rộng lớn, vượt hẳn những khái niệm mà ta đã đạt đến hiện nay. Cũng theo ông, nếu biết xóa bỏ trí nhớ, những người lạ mặt bị mặt kia chắc cũng biết in thềm vào trí nhớ những chuyện không có bao giờ xảy ra. Đây có lẽ là trường hợp của hai vợ chồng Barney và Betty Hills.

Hai câu chuyện vừa thấy trên đây chỉ là hai trường hợp trong biết bao hiện tượng khó hiểu đã thường thấy Những cường

quốc như Nga và Mỹ đều có cơ quan khảo cứu hay ghi chú tất cả những lời khai có vẻ thật. Riêng về Mỹ; Hội đồng nghị sĩ của Quân đội Hoa kỳ đã xin nghe một số nhân vật có tiếng như những nhà thiên văn học Joseph A. Hynek, Carl Sagan, cùng những khảo cứu viên như Hector Quintanilla, hiện nay làm giám đốc Aerospace Technical Intelligence Center Những nhà bác học này khảo sát khoảng 10.000 trường hợp xảy ra từ 1947, cho biết nếu 9350 trường hợp có thể giải thích đợc, còn lại 650 sự kiện không biết nên hiểu ra sao Trung bình hiện nay ở Hoa kỳ mỗi tháng có khoảng 4 trường hợp không giải thích đợc, trong số ấy có rất nhiều

vật thể đợc trông thấy ở mặt đất, lắm lúc với cả phi hành gia.

Ông Bộ trưởng Không quân Hoa kỳ, Harold Brown, trước áp lực của dư luận và sự cố nài của nhiều nhà khoa học, đã mời một giáo sư vật lý học có tiếng Edward V. London, một trong những nhà bác học bậc nhất của Hoa kỳ hiện nay, đứng ra điều khiển cuộc khảo cứu. Như đã thấy ở trên, một triệu mỹ kim đã đợc xuất ra, nhưng đây chỉ là một số tiền để bắt đầu. Theo Aime Michel, trong một loạt bài báo mà tôi đã dùng làm tài liệu. Hoa kỳ bắt đầu ngưng tay vào cuộc tìm hiểu, thế nào rồi đây kết quả cũng sẽ phá tan cho ta nhiều nỗi thắc mắc.



● DANH NGÔN

✘ Nói có ý vạch chân-lý, thúc đẩy hành động, gieo cảm-tình chế không phải để thỏa mãn sự ngứa miệng lánh ham danh và tục khoe khoang.

FEURZINGER

Ông NGUYỄN

ĐĂNG

THỰC

Với con đường
Văn-nghệ Dân-tộc

■ Thái-Bạch

(Tiếp theo P.T. 187)

● Khi tâm lý học, lúc âm dương luận và khi thì nguồn sống đại đồng

SAU đoạn dẫn lời phê bình của Comaraswamy, ông Thực đề cập đến Kim-vân-Kiều của Nguyễn-Du, và Lục-Vân-Tiên của Nguyễn-Đình-Chiều.

Ông cho những câu thơ của Kim-Vân-Kiều và của Lục-Vân-Tiên thực cũng phổ thông như ca dao. Nhưng không biết vì lẽ gì, ông lại đặt vấn-đề :

«Thử hỏi sao những câu Kiều rung động được chúng ta ? Tại sao chúng ta thấy rung động bởi khúc nhạc của Mozart, của Beethoven là người phương xa đất lạ. Há chẳng trong nghệ thuật không có cái diễm phổ biến đại đồng ? Há chẳng tâm hồn nghệ-sĩ Thiên-tài không có diễm vượt khỏi thời-gian và không gian.»

Kiều rung động, được chúng ta, nhạc của Mozart, của Beethoven rung động được chúng ta, nhưng vì sao rung động ? Kiều rung động vì một tánh chất riêng, nhạc

ÔNG NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC

của Beethoven rung động vì một tánh chất riêng ; Hai cái khác nhau, một đằng phổ thông đến 99 phần trăm trong số dân-tộc, cả những người không biết chữ cũng thuộc, còn một đằng chỉ có mấy ông Tây học mới thông cảm. Nhưng người không biết không có Tây-học có nghe đi chẳng nữa cũng chỉ vui tai dứt gận trong chớp mắt, có đầu đề sâu vào trong trí óc như Kim-Vân-Kiều, Lục-Vân-Tiên. Hai cái có hai tánh chất khác nhau, không thể cho rằng rung cảm cùng như nhau, cùng phổ biến đại đồng. Trừ mấy người Tây-học, dân Việt-Nam ta có ai biết Mozart, Beethoven là con người quái nào, cũng như trừ mấy ông Tây nghiên cứu văn học Việt-Nam ra, nhân dân Pháp có ai biết Nguyễn-Du là ai, Nguyễn-Đình-Chiều là ai ?...

Nói đến «con đường văn-nghệ dân-tộc» hay «con đường văn-nghệ quốc-tế» mà chỉ căn cứ một thiểu số kẻ thượng tầng trong xã-hội thì thật làm to vậy.

Nhân loại là gì ?

Có phải là tất cả mọi người cùng sống trên thế giới này ?

Dân tộc là gì ?

Có phải là những người cùng chung một lãnh thổ một nguồn gốc, một phong-tục, một ngôn ngữ, một văn-hóa và một kinh-tế chánh-trị ?

Đoạn này, chúng tôi thấy ông Nguyễn-ĐĂNG-THỰC lúng túng không phân biệt được rõ: thế nào là dân-tộc, thế nào là nhân loại, cũng như ông không quan niệm rõ thế nào là định luật âm dương, là lượng biến phạm hóa, thế nào là nhân-sinh-quan, thế nào là vũ-trụ quan?...

Đọc suốt cả một bài về «con đường văn nghệ dân tộc» của ông, chúng tôi chỉ thấy trước sau quanh đi quẩn lại, khi thì tâm lý học, lúc thì âm dương thuyết, khi thì quan niệm về nghệ thuật sáng tác, lúc lại đưa ra một nguồn sống đại đồng, không thấy có gì là dứt khoát vào một lập trường nhất định, một vấn đề nhất định.

Những thí dụ của ông Thực đưa ra cũng thế, cũng lẩn quẩn ở trong một vài chồng sách cổ điển của Đông, Tây, nào lời nói của Aurobindo, của Comaraswamy, của Alexis-Carrel và một ít câu thơ góp nhặt của Trần bích San, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Du, các bà huyện Thanh Quan, Hồ

xuân Hương, mà những lời nói ấy, những câu thơ ấy, hoàn toàn không có gì là dẫn chứng, là bảo đảm cho đó là « văn nghệ dân tộc » hay đó không phải là « văn nghệ dân tộc ». Do đó, đọc hết cả bài, người ta không hiểu ông Thực muốn nói gì, muốn cho « con đường văn nghệ dân tộc » là một con đường gì? Nếu bảo ông viết đây là một bài chung cho tất cả dân tộc; thì việc đó, phải bàn lại, xem các dân tộc có cần thiết ở vấn đề của ông nêu ra không? Vấn đề ông viết là vấn đề « con đường văn nghệ dân tộc » mà người mình đọc không hiểu, thì các dân tộc khác làm sao hiểu nổi. Và chẳng, ông Thực viết đây, chúng tôi quả quyết là ông viết cho người Việt Nam và các văn nghệ sĩ Việt Nam đọc. Còn bảo đó là viết chung, thì đó là nhân loại, là quốc tế, đâu còn có gì là dân tộc, mà nói là « con đường văn nghệ dân tộc ». Sự mạng văn nghệ của ông cũng như của các nhà văn nghệ khác là phải đối với dân tộc Việt Nam trước, đâu phải ngồi ở đây, ăn cơm làm việc đây, mà lo chuyện đầu đầu. Các dân tộc khác ở thế giới hiện nay đâu có nước nào không có những

tính chất riêng biệt, đâu có nước nào là không có văn nghệ, và không ai biết gì là văn nghệ dân tộc, thế nào là con đường văn nghệ dân tộc?

Một bài văn tối nghĩa và kết luận không có một giải pháp nào cả...

Nói thế, chúng tôi không quan niệm rằng khi nhắc đến vấn đề này chỉ đóng khuôn trong phạm vi dân tộc Việt Nam. Chúng ta nói cả đến các dân tộc khác để hiểu biết thêm, tự bồi bổ thêm bằng những cái hay của họ. Nhưng tính chất dân tộc của mỗi nước thế nào, văn nghệ dân tộc của mỗi nước thế nào, và con đường văn nghệ của mỗi dân tộc ra sao? Những ý kiến khác nhau và phải trái thế nào về dân tộc của các nhà văn nghệ. Phải như thế, mới làm cho phong phú thêm vấn đề « con đường văn nghệ dân tộc », giúp cho người đọc được thông hiểu và sáng tỏ vấn đề. Trái lại ông Thực không thế, ông đưa ra rất nhiều lý luận, mà kết quả không có một đường thoát, giải quyết thế nào là con đường văn nghệ dân tộc. Cho nên đọc bài của ông, có người đã cho là

một bài đầu Ngô mình Sở, đầu đề là « con đường văn nghệ dân tộc », mà từ hình thức đến nội dung, chỉ toàn tài liệu và tài liệu không ăn nhập gì với đầu đề.

Thế nào là con đường văn nghệ dân tộc? mà viết như thế, đưa ra những tài liệu, những lập luận như thế thì dân tộc làm sao mà hiểu được?

Cuối cùng, Ông Nguyễn đăng Thực viết:

« Và như Platon đã quy định cho đường nghệ thuật muôn thuở: « Trong khu vực của tình yêu, muốn thành tựu phải đi từ tình yêu, một hình thức đẹp này đến tình yêu tất cả các hình thức đẹp để hay là cái đẹp vật thể chung. Rồi từ tình yêu những hình thể đến tình yêu những tâm hồn đẹp, những hành động đẹp, những tư tưởng đẹp. Trên con đường tiến triển của tình thần qua cái đẹp của tình thần, đột nhiên hiện ra một cái đẹp kỳ lạ, vĩnh viễn không có chủng loại, không bị tì ố, tuyệt đối đẹp,

không ở tại một khuôn mặt đẹp, không ở tại hình thể nào hết, không ở tại một tư tưởng ra một khoa học nào. Tóm lại không ở một vật nào ở ngoài nó, hoặc ở tại trên trời hoặc ở tại dưới đất mà vĩnh viễn ở tại nó và vì nó, trong cái đồng nhất tinh hoàn toàn và tuyệt đối ».

Lời của Platon nói đúng, nhưng nói về tính chất nhập loại, từ cái đẹp của hình thể đến cái đẹp của tâm hồn trên con đường tiến triển của các dân tộc, lâu ngày những cái đẹp ấy gặp nhau rồi đi tới một cái đẹp chung đồng nhất không một tư tưởng nào hay một « khoa học » nào làm mất đi được. Ý của Platon là cái đẹp chung của nhân loại phải trải qua sự tiến triển của cái đẹp dân tộc. Ông Thực có nhã ý đưa ra, nhưng không đặt thái độ đối với đoạn văn này của Platon và giải thích ra sao, nên đã đi lạc ra hẳn với đầu đề. Vị thế cũng có người cho rằng ông Thực đưa vào cho thêm nhiều tài liệu, chứ thực những ý kiến ấy của Platon mặc dầu là những danh ngôn, những tư tưởng đẹp, nhưng đâu có ăn nhập gì với con đường văn nghệ dân tộc. Nếu có đi chẳng nữa,

chút nào thôi, thì cũng là quá cao, là xa với thực-tế, không phải những đại triết gia, những cây bút đại quý tộc, thì không ham không thích và không hiểu gì cả.

Đoạn ông Thực kết luận:

— « Vâng con người văn-nghệ dân tộc của chúng ta đã bao lâu nay thụ động trước ảnh hưởng ngoại lai, lâm vào cái thế khách làng chủ, thiếu sinh khí sáng tác vì vắng hồn dân tộc chẳng phải vì thiếu điều kiện chính trị hay kinh tế như các nhà duy vật giải thích mà là thiếu ý thức về « nguồn sống đại đồng bên trong », nguồn sống thâm trầm linh động, nguồn sống của « Duy Nhất sáng tạo » đồng nhất Chân-Thiện Mỹ, nó đã giúp cho Ấn-Độ ngót một thế-kỷ nay kể từ Ram Mohan Ray qua Ramakrishna đến Tagore đã làm xong cuộc cách mệnh văn-hóa Ấn-Độ hiện đại. »

Thật là cả một đoạn văn tối nghĩa, và kết luận ấy không có một giải pháp nào cho cái luận đề đã đưa ra.

— Con đường văn-nghệ dân-tộc của chúng ta đã bao lâu nay thụ động trước ảnh hưởng ngoại lai thế nào ?

— Lâm vào cái thế khách làng chủ thế nào ?

— Thiếu sinh khí sáng tác vì vắng hồn dân-tộc thế nào ?

— Và chẳng phải vì thiếu những điều kiện như các nhà duy vật giải thích thế nào ?

— Và thế nào nữa là « nguồn sống đại đồng bên trong », là « duy nhất sáng tạo », là « Đồng nhất chân thiện mỹ ».

Chúng tôi thiết nghĩ ông Thực trong đoạn văn trên này phải giải thích rõ mới có thể làm cho người đọc lãnh hội được. Còn không, như vậy chỉ là một mớ lý luận suông. Và chính đờ ông đã thụ động ở trước ngoại lai rồi mà không biết.

Ông nói « con đường văn-nghệ dân-tộc » của chúng ta đã bao lâu nay thụ động trước ảnh hưởng ngoại lai. Hai chữ « ngoại lai » đây theo tôi hiểu thì đó là Trung-Hoa và Pháp. Ông Thực muốn cho con đường văn-nghệ và dân-tộc không bị ảnh hưởng ấy, nhưng theo tinh thần ở đoạn văn trên đây ông lại muốn nhập cảng vào bằng ảnh hưởng của các nhà văn bên Ấn-Độ.

Cũng có thể được đi Chúng

ta không từ chối những gì hay đem lại cho chúng ta bất kể là Đông hay là Tây. Nhưng Ram Mohan Roy, với Ramakrishna và Tagore đã làm những gì cho cuộc cách mệnh văn-hóa ấy ? Hoàn cảnh xã hội và công việc hoạt động của các nhà thơ và nhà văn Ấn-Độ này ra sao ? Chúng tôi thiết nghĩ ông Thực phải đưa ra cho cụ thể, không thể nói một cách tóm tắt, quá trừu tượng như vậy, làm cho người đọc không ai hiểu gì hết.

Con đường văn nghệ dân tộc của chúng ta hiện nay là con đường thế nào ?

Theo ý chúng tôi, con đường văn nghệ dân-tộc Việt-Nam ta không thể bắt chước con đường văn-nghệ dân-tộc của Ấn-Độ. Trái lại phải căn cứ vào quá trình cùng hiện tại của mọi ngành hoạt động dân-tộc. Hoàn cảnh lịch-sử giữa Ấn-Độ và Việt-Nam ta có giống nhau đâu! Chúng ta chỉ có thể lấy những kinh nghiệm của các nhà thơ nhà văn Ấn để bồi bổ thêm cho việc làm hiện nay. Nhưng kinh nghiệm ấy thế nào ? Ông Thực phải nói rõ không thể chỉ dựa vào một vài đoạn lý thuyết với một tràng

đanh từ theo kiểu của « triết học chủ nghĩa ».

Nói tóm lại, bài « con đường văn-nghệ dân-tộc » của ông Nguyễn-Đăng-Thực chỉ là một bài văn hỗn độn với mấy câu nói khi thì của cụ Trần-Bích-San, khi thì của Hồ-Xuân-Hương, lúc thì của Aurobindo, lúc thì của Comaraswamy, lúc thì của Platon. Rồi cuối cùng kết quả không đi vào đâu cả.

Độc-giã đòi hỏi ở ông, thế nào là « con đường văn-nghệ dân-tộc », và làm cách sao để đi cho đúng con đường ấy, chứ không cần thiết ở cách diễn tả chỉ chứng ra một số diễn cớ quá xa với cảm quan của đại chúng như vậy. Vì thế đọc bài này, chúng tôi có cảm tưởng như ông Thực chỉ sợ trường về cách trình bày cho độc giả thấy cái học của mình đã qua nhiều sách vở, nhưng chưa kết tinh, và chưa hệ thống hóa.

Với cái đầu đề ấy đưa ra thật rất có lợi và nên tán thành lắm. Vì chẳng nói ai cũng hiểu đó là một sự cần thiết cho lúc này, nhất là đối với những con nhà cầm bút vì ai cũng muốn, cũng mong tiến lên « con đường văn-nghệ dân-

tộc» để phục vụ cho đất nước. Nhưng điển tả và kết luận như vậy thì chỉ làm rối óc độc giả.

Có người nói đó là tại văn-phong của ông Thực, là một nhà học-già, ông không quen viết những câu cho người đọc dễ hiểu. Song thế thì viết cho ai đọc, viết để làm gì. Chúng tôi thấy càng là thức-già, là học giả bao nhiêu, khi cầm bút đặt lên tờ giấy càng phải nhắm vào đối tượng là đa số bấy nhiêu. Còn học giả chỉ viết để cho học giả đọc, thức giả chỉ cần cho thức giả hiểu thôi, thì chính những thức giả khác, những học giả khác cũng không cần; và như thế, có lẽ xã-hội loài người cũng không cần thiết phải có các học giả và thức giả làm gì.

Viết bài này, chúng tôi mong ông Thực nên kiểm lại văn-phòng và quan niệm của ông về « con đường văn-nghệ dân-tộc ». Bằng không, ông có nói đến bao nhiêu nữa, đối với đa số người cũng là những tiếng gào thét ở giữa sa mạc.

Theo thiên ý, « con đường văn nghệ dân tộc » hiện nay là con đường văn-nghệ phải nhắm vào việc phục-vụ cho dân-tộc là cốt

yếu nhất. Kẻ nào viết những tác phẩm phản lại nguyện vọng và quyền lợi dân-tộc là những kẻ phá hoại vì nó đã phản lại dân-tộc. Dân-tộc sẽ lên án, sẽ không nhận những kẻ đó là người của đại-gia đình dân-tộc Việt Nam nữa.

Nguyện-vọng và quyền-lợi của dân-tộc là gì ?

Thiết nghĩ chẳng nói mọi người cũng hiểu đó là những tinh thần truyền thống bất khuất đã kết tinh lại từ bao lâu nay và kết quả của nó đã mang lại vinh quang cho đất nước, đã chiến thắng quân thù để giành lại chủ quyền và lãnh thổ, là muốn sống một đời sống càng ngày càng tiến bộ hơn xưa cả về tinh thần lẫn vật chất, là tình thương yêu và đoàn kết giữa nhau để giữ vững cơ đồ và sự nghiệp đã giành lại của bao năm xương máu, v.v...

Các nhà cầm bút chúng ta muốn tiến lên « con đường văn nghệ dân-tộc » phải đan mình vào cuộc sống của dân tộc, phải khai thác những gì là tinh thần quý báu của tiền nhân để lại, phải sửa chữa những gì là xấu xa, là cản trở cho bước tiến hóa dân-

tộc do chế độ thực phong trước kia còn sót lại và những căn bã của xã hội trộm ngày nay. ●

Những tinh thần quý báu đáng kể nhất là những tinh thần quật khởi chống ngoại bang xâm lược, nói ra thì các cuộc chống chế độ nội thuộc Tàu khi trước, nói gần đây thì các cuộc chống xâm lăng Pháp liên tục từ tám mươi năm qua, và ngay trước mắt chúng ta đây là tinh thần nhất chí và đại vô úy ở trong cuộc chiến tranh hiện đại.

Những xấu xa và cản trở cho bước tiến hóa của dân-tộc là những thứ ăn chơi trụy lạc, là tham ô bóc lột, là đố kỵ lẫn nhau, là lừa dối, là chia rẽ, là bảo thủ, là trộm cắp, là mê tín dị đoan, v.v...

Với những tinh thần quý báu trên, chúng ta phải làm cho ngày một phát triển, một ăn sâu vào đầu óc mọi người. Với những xấu xa, những cản trở, chúng ta phải mạnh bạo đập tan đi, không thể kiêng nể và do dự, còn dung túng là còn biểu đồng tình với những xấu xa, cản trở ấy, là còn muốn cho những ung độc độc độc còn lại trong cơ thể.



Một điểm nữa trong « con đường văn-nghệ dân-tộc » là chúng ta phải chú ý đến cái gì là hay, là quý của dân-tộc bạn trên mọi lãnh vực kinh-tế, văn-hóa, chính-trị quân-sự, và khoa-học để thấu nhận làm ích lợi thêm, tiến bộ thêm cho quốc-gia dân-tộc.

Nói tóm lại « Con đường văn-nghệ dân-tộc » của chúng ta là con đường rực rỡ mà các nhà cầm bút cũng phải can đảm như những người cầm súng, để đem hết sức mình ra đóng góp công việc tranh đấu và bảo vệ quyền lợi dân tộc làm cho dân tộc ta tiến mau, tiến mạnh, tiến lên đến chỗ-lãnh thổ hoàn toàn không còn một bóng xâm lăng nào, một bóng phi dân tộc nào; và tiến lên để cho dưới bóng mặt trời này không còn một kẻ nào dám khi thì, dám xuyên tạc dân tộc ta nữa.

Còn chối bỏ hay đi ngược chiều là những cây bút có tội với dân-tộc, với quốc-gia, và cả nhân-loại nữa.





TRUYỆN NGẮN

★ N.H. HOÀNG - HỒNG - DIỆP

MÂY LÌA ĐỈNH NÚI

BUỒI chiều cao-nguyên thật buồn. Mấy tia nắng cuối cùng của ngày còn vương rải rác trên những đỉnh đồi xa xa. Trong cái yên lặng khắc khoải đó. Trâm nghe chừng như những bước chân hoàng hôn nhẹ nhàng lần đến đầu đây. Tiếng sáo nhà ai lẫn trong gió chiều thoảng đến bên tai Trâm những

âm thanh dịu dặt, tiếng sáo cao vút gọi cho lòng cô gái một nỗi u hoài. Hồi còn đi học. Trâm cũng thường hay thổi sáo vào những buổi chiều như thế này. Và dạo đó hình ảnh mối tình đầu đã mờ vờ chợt hiện đến làm Trâm nhẹ thở dài. Cúi xuống gỡ mấy bông cỏ may ghim vào tà áo, Trâm lững thững đi về phía một trái đồi.

MÂY LÌA ĐỈNH NÚI

Gió chiều lồng lộng. Trâm bước ngược chiều gió, mái tóc nàng tung bay phất phới. Nàng tìm một chỗ cỏ sạch và ngồi xuống, mơ màng nhìn xuống phía thung lũng. Trâm đến thị xã này đã được một tháng 12 ngày. Cảnh vật ở đây thật thân yêu đối với nàng. Trâm yêu từ con đường nhỏ lượn quanh sườn đồi, mấy nóc nhà con con dưới lưng kia, màu cây rừng xanh ngắt, và đôi khi về mặt ngó gần của những chàng trai thượng cũng gợi nơi lòng Trâm một tình cảm lâng lạng khó tả.

Một tháng trước đây, Trâm vì buồn rầu, nàng bỏ học và có ý định đi xa, thật xa về miền núi rừng heo hút. Trâm được một cô bạn giới thiệu đến đồn điền ông bà Lâm Phát, dạy kèm cho đứa con gái út của ông bà ta. Thế là Trâm trở thành cô giáo trong gia đình này. Bé Giáng Tuyết rất ngộ nghĩnh và dễ thương, nó rất mến Trâm, gia đình ông bà Lâm Phát cũng hết lòng quý trọng nàng, nhờ vậy mà Trâm thấy được an ủi phần nào. Dĩ vãng vẫn làm Trâm chua xót, nhưng nàng cố quên, tìm vui trong bốn phận hàng ngày.

— Đây rồi, cô giáo của Tuyết này chị Hà ơi.

Tiếng trẻ con reo bên phía sau làm Trâm giật mình quay lại. Giáng Tuyết nắm tay một cô gái lười bừa về phía nàng. Một thoáng ngó ngang, thiếu nữ chợt nhìn sững Trâm rồi mừng rỡ kêu lên :

— Kia Trâm, còn nhớ mình không ?

— Hoàng-Hà...

— Vâng Hoàng-Hà đây.

Và đôi bạn ôm chầm lấy nhau mừng rỡ. Trong giây phút, Trâm nhớ lại hết những kỷ niệm của ngày thơ ấu. Lúc học lớp mẫu giáo và liên tiếp lên mấy lớp nữa của bậc tiểu học, Trâm chơi rất thân với Hoàng Hà. Cho đến hết năm lớp nhì thì Trâm phải dời trường, nàng vào ở học với các bà soeurs, và từ đó, đôi bạn mỗi người một nơi. Cô bạn bé nhỏ, với đôi mắt to và nụ cười xinh xắn, vẫn là một hình ảnh đẹp nhất trong ngần kỷ niệm của Trâm.

— Không ngờ gặp Trâm ở đây.

— Minh cũng vậy. — Trâm mỉm cười trả lời bạn.

Giáng Tuyết láu táu hỏi :

— Bộ cô giáo có quen chị Hà của Tuyết nữa sao ?

— Ừ, cô giáo quen chị Hà đấy.

Hoàng Hà vừa đi vừa bảo :

— Về nhà, nghe mẹ mình bảo Giáng Tuyết có cô giáo mới mình thật không ngờ cô giáo đó lại là Trâm. Bỗng nhiên Hà dừng lại và nheo một bên mắt nhìn bạn ranh mãnh :

— Trâm đẹp quá, đẹp nào nùng, đẹp mơ mộng, đẹp...

— Đẹp gì nữa ? — Trâm cười dòn hỏi bạn.

Hoàng Hà phát một cử chỉ đáp :

— Mình muốn nói Trâm đẹp mà buồn quá ấy mà.

— Thôi cứ tán hoài, Hà mà là con trai chắc là mình mê Hà mất thôi.

— Chứ không à ?

Cả ba đã về đến cổng nhà lúc nào không biết, Giáng Tuyết bỏ tay chị. Chạy vụt vào nhà. Tiếng nó nheo nheo :

— Mẹ ơi, chị Hà cũng quen với cô giáo nữa!

Hai cô gái nhìn nhau mỉm cười. Và tối hôm đó, trước vẻ ân cần săn sóc của bạn, Trâm kể cho Hà nghe hết tâm sự của nàng.

— Chuyện Trâm buồn quá — Hà bảo bạn, nàng thở hắt ra và bảo tiếp :

— Nhưng thôi, quên đi Trâm. Trâm cứ ở đây với ba má mình. Gia đình này như là gia đình Trâm vậy. Phần mình, năm tới ra trường, chắc phải đi xa rồi đó. Có Trâm, nhà cũng đỡ hiu quạnh. Trâm cảm động, cầm tay bạn nghẹn ngào :

— Vâng, cảm ơn Hà. Chắc là mình phải tìm sự ấm cúng trong khung cảnh gia đình này lâu.

Hoàng Hà chợt bảo :

— À, đầu tháng này anh Tuấn mình về nước đấy Trâm. Chắc Trâm chưa biết anh ấy phải không ?

Vừa nói Hà vừa lôi bạn sang phòng ngủ của nàng. Mở tủ lấy mấy quyển Albums, cô gái vừa lật vừa bảo Trâm.

— Nay Trâm xem, anh ấy có giống ba mình không ?

Chỉ một tấm ảnh, Hoàng Hà vui vẻ tiếp :

— Nội mấy anh em, anh Tuấn giống cha mình nhất đó Trâm. Người con trai trong ảnh có vầng trán cao, sóng mũi thẳng, cặp mắt sáng đầy nghị lực. Trong album toàn là ảnh của Tuấn chụp ở hải ngoại gửi về.

Trâm mỉm cười khi nghe Hà bảo :

— Trông cái mặt anh ấy vậy mà khối cô mê đấy nhé.

Trâm muốn nói một câu : « mặt thế mà không nhiều người mê sao được », nhưng sợ bạn hiểu lầm nên nàng chỉ im lặng ngồi xem ảnh.

Trâm chợt có ý nghĩ đem Tuấn so sánh với .. người xưa. Một tương lai rực rỡ, một dĩ vãng đau đớn. « Phải không anh, định mệnh đã đem chúng ta lại với nhau, rồi cũng chính định mệnh tàn nhẫn chia cắt chúng ta. Phải chăng cái dĩ vãng đau đớn kia đã khép chặt tương lai rực rỡ của anh, của em ».

Cố nén một tiếng thở dài, Trâm trao trả bạn mấy quyển albums, nàng lơ đãng hỏi Hoàng Hà :

— Còn mấy hôm nữa thì anh ấy về ?

— Chừng hơn tuần nữa thôi. Hoàng Hà vừa nhìn lên tờ lịch vừa trả lời Trâm.

Và tuần lễ đó thấm thoát trôi qua. Sáng nay cả nhà đều đi lên phi trường để đón Tuấn. Bé Giáng Tuyết năn nỉ đòi Trâm phải đi với nó. Nhưng nàng viện cớ không được khoẻ, phải ở nhà. Chiếc xe hơi của ông bà Lâm Phát vừa khuất dưới một cái dốc, Trâm định trở về phòng riêng thì vừa vặn một chiếc xe hơi nhỏ, loại du lịch, quanh vào cổng, chiếc xe sịch đồ trước thêm nhà, một cô gái đẹp ăn mặc sang trọng mở cửa bước xuống.

— Tôi muốn hỏi ông bà Lâm Phát ? — Cô gái lạ mở lời.

Trâm từ tốn đáp :

— Thưa cô, ông bà ấy vừa mới đi đấy ạ.

— Thôi được, tôi có thể vào nhà chờ đón anh ấy cũng được.

— Thế ra cô là...

— Vâng, tôi là Hồng-Ngọc, bạn của anh Tuấn.

Thấy cô gái nhìn mình có vẻ dò hỏi, Trâm bảo :

— Tôi là cô giáo của Giảng-Tuyết.

— À, ra thế.

— Nhìn thái độ kinh kiêu của Hồng-Ngọc khi nghe nàng tự giới thiệu, Trâm thốt nhiên thấy có một cái gì tủi tủi dâng lên trong lòng.

Vào nhà, Trâm đi thẳng xuống phía sau, bảo chị người nhà mang nước ra cho khách và nàng về phòng luận. Trâm thần thờ, nghĩ hết chuyện này nháy sang chuyện kia. Chiếc khăn tay thêu dở để trên bàn, nàng cũng không buồn ngó đến. Nghĩ ngợi liên miên, cô gái ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Trâm choàng tỉnh dậy khi có một bàn tay sờ lên trán nàng. Trâm vẫn nhắm mắt, nàng nghe rõ tiếng của Hoàng-Hà.

— Sao lại nóng quá thế này ?

Trâm cố nheo mắt nhìn bạn, nàng thấy đầu nhứt như búa bổ và miệng thì đắng như vừa mới uống thuốc.

— Hà mới về đây ư ?

— Không, mình về từ sáng.

lặn mà, bây giờ là 5, 6 giờ chiều rồi đó. Cô gái tiếp : — Anh Tuấn về rồi, anh ấy sang bên nhà chị Hồng-Ngọc ăn cơm chiều nay đó.

Trâm như chợt nhớ ra :

— À Hồng Ngoc., khi sáng Hà mới đi thì cô ấy tới.

— Chị ấy là bạn anh Tuấn đó Trâm, gia đình chị ấy thân với ba má lắm, cũng ở gần đây thôi.

— Mình cũng đoán vậy. Trâm một nhọc trả lời.

Đưa cho Trâm viên thuốc, Hoàng Hà giục :

— Này, uống đi Trâm, mình vào đây mấy lần mà Trâm vẫn ngủ vùi. Ráng mạnh đi bỏ, ba hôm nữa anh Tuấn mở bar, nhà vui lắm. Trâm nhắm mắt lại, hình ảnh Hồng Ngoc ban sáng làm Trâm buột mồm thốt một câu cay đắng :

— Mình quê mùa quá, có biết nhảy nhót gì mà dự dạ hội hả Hà ?

— O kìa, thì mình cũng vậy chứ có hơn gì Trâm đâu.

Vừa nói, Hoàng Hà vừa đưa tay vuốt mấy sợi tóc lòa xòa

trước trán. Trâm chợt thấy mình hơi vô lý, nàng gượng ngồi dậy và mỉm cười nói lãng sang chuyện khác :

— Tụi mình ra vườn chơi đi

— Ý, đâu được, Trâm đang sốt mà.

Trâm xoa tay, không sao đâu Hà. Chắc tại mình ngủ cả ngày nên hơi mệt đấy thôi. Và Trâm bước xuống giường, với lấy cây lược chải sơ lại mái tóc, nàng khoát tay Hoàng Hà đi ra ngoài Hoàng Hà chạy lại tủm mở ra lấy cái áo len choàng lên người Trâm bảo :

— Ừ thì đi, nhưng phải mặc thế này cho mình yên lòng. Trời rét quá, đến mình mà còn run đó Trâm ạ.

Có tiếng xe vang lên ngoài cổng, cả hai nhìn ra và Hoàng-Hà vui vẻ bảo bạn :

— Anh Tuấn mình đấy, để mình giới thiệu Trâm nhé.

Và hai người vừa kịp trông thấy cái siết tay thân mật của Tuấn và Hồng Ngoc. Người thanh niên ấy đứng nhìn theo chiếc xe mang Hồng-Ngọc xa dần về phía cuối đường. Chàng lừng thừng đi vào.

Hoàng-Hà nắm tay bạn đứng đón anh ở thêm nhà.

— Chị Trâm, bạn em cũng là cô giáo của Giảng-Tuyết. Quay lại Trâm, Hoàng-Hà tiếp :

— Anh Tuấn của mình đó Trâm.

Trâm hơi cúi đầu, ra dáng một cử chỉ chào hỏi trong khi Tuấn nhìn sưng cô gái. Chàng hỏi Trâm :

— Chắc cô cũng ở gần đây ?

Hoàng-Hà cười phá lên, nàng trêu anh :

— Chị ấy ở gần đây lắm anh ơi, kế bên phòng em đó.

Tuấn ngạc nhiên :

— Thế sao sáng giờ anh không gặp cô ấy ?

Hoàng-Hà ranh mãnh :

— Ai mà lo tiếp chuyện với Hồng-Ngọc để anh gặp chị Trâm ?

Tuấn hơi cau mày, nhưng rồi chàng mỉm cười ngay.

Hoàng-Hà tiếp :

— Nói đùa với anh đấy, chứ chị Trâm ốm nằm trong phòng, đấy mà.

— Tuấn nhìn Trâm dịu dàng bảo :

— Thì ra vì thế mà cho đến bây giờ tôi mới được gặp cô. Trâm hơi mỉm cười, nhưng nàng cũng chưa biết phải nói gì.

Tuấn hỏi em :

— Em định đưa cô Trâm đi đâu đấy ?

— Đâu có anh, tụi em chỉ đi vòng vòng ngoài vườn thôi mà.

— Thế cho anh cùng đi vòng vòng với nghe.

— O.K !

— Thế cô Trâm có cho phép tôi cùng đi dạo không ? — Tuấn nhìn Trâm và hỏi :

— Dạ...

— Sao lại « dạ » ? Tuấn mỉm cười hỏi khó cô gái.

— Dạ có anh đi thì câu chuyện càng vui chứ có sao đâu.

Hoàng Hà tinh nghịch hỏi anh, trong lúc cả ba bước giữa mấy luống hồng :

— Sao anh, chuyện anh với chị Hồng-Ngọc đã đi đến cái nước non nào rồi ?

— Em chỉ hay đùa thôi, có

gì đâu, trước tới giờ thế nào thì giờ vẫn thế, có gì thay đổi đâu.

Và như không muốn nói đến vấn đề đó, Tuấn lảng sang chuyện khác. Chàng hỏi thăm về đủ mọi chuyện. Và Tuấn kể cho hai thiếu nữ nghe cuộc sinh hoạt của chàng bên kia trời Tây. Câu chuyện đang đậm đà thì bé Giáng-Tuyết chạy ra gọi Hoàng Hà và Trâm vào dùng cơm chiều.

Sáng hôm sau, đúng là Tuấn đi sẵn với Hồng-Ngọc thì chàng lại ở nhà. Trâm đang dạy Giáng-Tuyết bên phòng học, nàng nghe tiếng cửa xe đóng đánh sầm một về tức tối. Trâm đứng ở cửa sò nhìn ra thấy Hồng-Ngọc lái xe chạy thẳng ra cổng. Có tiếng động ở cửa phòng, Trâm quay lại. Tuấn tươi cười hiện ra trong khung cửa. Chàng cầm quyền vớ của Giáng-Tuyết lên xem, vui vẻ hỏi :

— Nào, Tuyết đã học được gì nào ?

— Em biết làm toán nhân rồi nè, em thuộc cửu chương nữa cơ.

Vừa nói con bé vừa lật mấy

trang vở cho anh xem. Nhìn vào trang vở, nhưng Tuấn lại hỏi Trâm :

— Lát nữa Trâm có thể đi chơi đôi với tôi được chứ ?

Lảng tránh cái nhìn của Tuấn, Trâm đáp :

— Trâm bận viết dở mấy cái thư..

— Viết thư thì tới viết, có sao đâu Trâm.

Bối rối thế nào mà Trâm chỉ nhẹ lắc đầu chứ không trả lời Tuấn một câu nào cả.

Con bé Giáng-Tuyết lại khẽ nắm tay nàng bảo :

— Ừ, phải đấy cô giáo, cho Tuyết đi nữa. Chúa sượt rồi Tuyết đâu có được đi chơi đôi.

Nhưng Trâm vẫn lắc đầu, nàng dịu dàng bảo :

— Đề khi khác anh Tuấn ạ, khi khác chúng mình tổ chức picnic hẳn hoi vui hơn, Trâm vẫn thích những cuộc picnic như vậy lắm...

Giáng-Tuyết nghe Trâm nói thế, nó nhăn mặt và chu chu cái miệng rồi tuốt xuống ghé rón rén chạy đi. Trâm hỏi một câu mà nàng không định trước :

— Bao giờ anh đi Saigon nhận việc ?

— Cũng còn lâu Trâm ạ.

Hai người không nói với nhau một câu nào nữa. Khoảng im lặng kéo dài làm Trâm thấy khó chịu. Nàng vừa định đứng dậy đi về phòng thì liếng Tuấn cất lên :

— Tại sao Trâm có vẻ xa cách tôi quá vậy ?

Trâm nhìn sững người con trai đối diện mình, nhưng nàng lại bối rối, quay đi khi bắt gặp đôi mắt của Tuấn, Trâm ấp úng bảo :

— Ờ hay, sao anh lại nói thế ? Có gì đâu, Trâm đã chẳng xem anh như một người anh hay sao ?

Không nghe tiếng đáp lại, Trâm ngảnh sang thì Tuấn đã đi từ lúc nào. Nàng thần thờ đứng lên đi về phòng riêng.

oOo

Cao nguyên, ngày... tháng... năm..

«Hoàng-Hà thân mến,

«Mình hiểu Hà, cũng như chính mình thấy rằng sự ra đi của mình lúc này rất là hợp lý. Tình

MÂY LÌA ĐỈNH NÚI

« cảm như một cái mầm, gặp
« đất tốt nó sẽ nảy nở ra, mà ở
« đây chúng ta đều không muốn
« cho cái mầm ấy nảy nở tốt
« đẹp như vậy, thế thì hủy diệt nó
« đi lúc này vẫn hơn.

« Hà nói đúng, anh Tuấn không
« thề nào có một người vợ như
« mình được, cũng như mình,
« không thề nào quên được chuyện
« xưa. Niệm ưu ái anh Tuấn dành
« cho mình, đó chẳng qua là
« những làn mây mỏng vương
« vẫn, quấn quít lấy một đỉnh núi
« cao. Núi chẳng hề rủ rê mây và
« một khi gió mạnh, mây có
« quyền bay tản đi nơi khác.

« Thời nhé, Hà liệu nói hộ



* DANH NGÓN

☞ Xét nét quá nhiều người ghét, nhưng hời hợt quá cũng không
mấy người ưa.

FEURZINGER

□ (La vie, heureuse ou triste, est belle. Accepte là).

Đời, dù sướng hay buồn, cũng vẫn đẹp. Hãy đón nó.
FERNAND GREGH

NGƯỜI YÊU CỦA LÍNH



Em rất thích làm người yêu của lính.
Chiều cuối tuần được mòn mỏi đợi mong.
Đọc thư anh mùi thuốc súng thơm nồng,
Giấy nhàu nát hương rừng còn in vết,
Góp nhớ thương em làm thơ thêu dệt,
Kể chuyện tình chiến tuyến với hậu phương
Những chiều hành quân là những buổi tan trường,
Em đếm bước pháp phòng trong lo sợ.
Ngày anh về phố phường chào rộng mở.
Chiến y vàng thơm phứt bụi cao-nguyên.
Dù gian lao anh chẳng chút than phiền
Mắt ngời sáng nhìn anh huy hoàng quá.
Bao chiến công trong ngày dài vất vả.
Anh mang về và lấp vũng thương đau.
Cho bạn anh máu thấm giữa rừng sâu,
Hành diện chết gục đầu lên đất mẹ.
Vùng hậu phương từng đêm buồn em sẽ
Hòa tâm hồn theo gió chuyển biên cương,
Ca tụng anh người lính Việt can trường.
Quên mạng sống hy sinh vì nghĩa-vụ.

* Đạm-Vân
(Pleiku)

ĐÃ PHÁT - MINH
ĐƯỢC THUỐC GIÚP
TRÍ NHỚ :

Những ai dễ quên, xin đừng lo nữa !

* Lưu - Bàng

● Khoa học đang sắp tiến đến phát minh lớn lao nhất của nó từ sau thuốc trụ sinh penicilline, thuốc tiêm ngừa bệnh ấu liệt và tiến bộ đó được thể hiện qua một chất hóa học có đặc tính kỳ diệu là giúp tăng thêm trí nhớ.

NHỮNG ai thường than phiền hay quên hoặc học không nhớ có thể yên tâm chờ. Loại hóa chất trên đang được thí nghiệm cho con người và đã chứng tỏ khả năng lạ lùng của nó.

● Lần đầu tiên trong lịch sử

Hóa chất nguyên là magnes um pemoline, mang cái tên thương mại dễ đọc Cylert, có vẻ đã gây một loạt những phản xạ giúp tăng tiến hoạt động của các tế bào óc. Sự thật Cylert đã thúc đẩy mạnh hơn việc thành hình của những yếu tố chính yếu bên trong óc. Nhờ đó, khả năng kỷ ức và học hỏi đã tăng lên rõ rệt.

Nhờ vào Cylert cùng một số những phát minh khác, các khoa học gia tin rằng họ sắp hé mở được bức màn bí mật bao trùm khả năng học hỏi của óc.

Một nhà tâm lý học thuộc viện đại học California, giáo sư David Krech đã phải nói :

— « Lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại này sinh ra một cuộc thăm dò khoa học đúng đắn và tinh vi vào kỷ ức khả năng học hỏi, giải quyết vấn đề suy tư. Lần đầu tiên các khoa học gia phối hợp nhau

cố gắng, tìm hiểu những hoạt động của óc. »

● Đặc nhiều kỳ vọng

Các khoa học gia đặt nhiều kỳ vọng nơi Cylert bởi vì :

1) trên khắp thế-giới có chừng 130 triệu người già mắc chứng bệnh thiếu trí nhớ hoặc khả năng học hỏi ít hay nhiều ở dưới mức trung bình.

2) bất cứ thứ thuốc kích thích trí nhớ nào cũng có thể jãng thêm chỉ số thông minh, tức là khả năng học hỏi, mưu sinh. Nói tóm lại, khả năng trở thành một người thành công trong suốt đời mình.

3) một thứ thuốc như vậy có thể rất hữu ích cho khả năng suy tư của trẻ con đã gặp nhiều trục trặc lúc mới chào đời khiến chúng kém này nọ tâm trí.

Hiện nay thuốc Cylert đang được đem dùng thử cho chừng 30 bệnh nhân tại một bệnh viện Mỹ. Sau đó thuốc còn được đưa lần lượt đến trung tâm y khoa khác để tiếp tục nghiên cứu. Dần dần người ta sẽ cố gắng, tìm hiểu xem hạng người nào thụ hưởng lợi ích của thuốc nhiều hơn cả, dùng bao

nhiều thì thuốc gây ảnh hưởng tốt nhất và có hại gì không.

● **Cực kỳ khó khăn**

Chứng minh sự hữu hiệu của một thứ thuốc tăng trí nhớ là việc cực kỳ khó khăn. Phải làm sao sau khi dùng thuốc rồi, trí nhớ của bệnh nhân tăng tiến và cứ tăng tiến như vậy trong một quãng thời gian khá dài. Nếu sự tăng tiến này chỉ ngắn hạn thuốc không thực sự kích thích trí nhớ. Nói cách khác, một hay hai tuần sau người dùng thuốc vẫn cứ quên như thường, thuốc không thể được xem là kiến hiệu.

Để thực hiện cuộc thí nghiệm trên một căn bản khoa học tuyệt đối, người ta phải có hai hạng bệnh nhân cùng chỉ số thông minh và cùng trình độ kém trí nhớ.

Thêm vào đó, phải dùng đến hai tòa nhà và các y sĩ không được biết nhóm bệnh nhân nào dùng thứ thuốc nào. Nếu họ biết, kết luận của họ có thể bị ảnh hưởng. Với hai hạng bệnh nhân và hai thứ thuốc khác nhau, thuốc Cylert và một thứ nữa chẳng có ảnh hưởng gì đối với trí nhớ, cuộc trắc nghiệm có thể được thực hiện thật khách quan.

Một khi thời gian cần thiết trôi qua, cả hai nhóm được cho trắc nghiệm trí nhớ giống nhau. Rồi mỗi bệnh nhân được cho dùng thử một thứ thuốc. Mỗi chai thuốc được đánh dấu riêng để các y sĩ tham dự không biết bệnh nhân nào dùng Cylert. Một tuần, hai tuần hay một tháng sau, bệnh nhân lại được trắc nghiệm trí nhớ lần nữa và được xếp hạng để so sánh.

Cũng cuộc trắc nghiệm như trên rất tốn kém và mất nhiều thì giờ nhưng không thể tránh được nếu muốn xác định chân giá trị của Cylert.

Một cuộc truy tầm ly kỳ.

Sự phát minh thuốc Cylert thực sự đánh dấu một trong những câu chuyện trình thám khoa học ly kỳ nhất hiện đại. Từ mấy năm nay, các khoa học gia đã nghiên cứu găm nhấm bộ máy căn bản của trí nhớ.

Chỉ mới đây thôi, một y sĩ Thụy Điển danh tiếng đã khám phá ra được rằng khi chuột học làm những công việc giản dị, số lượng và phẩm chất của một hóa chất bên trong óc của chúng dường như đã thay đổi. Một nhóm những nhà nghiên cứu Gia nã Đại đã tiêm hóa

chất trên vào con người và bảo rằng đã giúp tăng thêm trí nhớ của những người này. Nhưng kết quả họ đầu hoạch được không lấy gì làm rõ rệt lắm.

Lại cũng mới đây, một số các khoa học gia tập cá vàng tránh những dòng điện trong bồn của chúng. Và khi cá được tiêm một thứ thuốc, không liên quan gì đến Cylert, thì hóa chất đã dùng trong các cuộc nghiên cứu trước đây dường như đã tác động vào óc của chúng; chúng không còn biết làm thế nào tránh những dòng điện nữa.

● **Nếu tăng thêm RNA**

Hóa chất trong óc được dùng trong các cuộc nghiên cứu trên là ribonucleic acid thường được gọi tắt là RNA. Nó tác dụng hồ tương với một hóa chất khác, deoxyribonucleic hay DNA.

DNA nằm bên trong vỏ tế bào con người. Phản ứng DNA, RNA khi thực hiện đúng mức luôn luôn sáng tạo ra những cơ quan rõ rệt khỏi sự đúng lúc và ngưng đúng lúc nên con người có 2 mắt 1 mũi, hai chân vùn vùn.

Các khoa học gia còn tin rằng có những phản ứng hóa chất cực

kỳ tinh tế xảy ra bên trong óc để kích thích trí nhớ, sự học hỏi hay làm chậm trễ hai khả năng này.

Họ lập giả thuyết rằng RNA là yếu tố chính "có thẩm quyền" của óc. Những năm nghiên cứu tìm tòi sau đó cho thấy RNA quả là «chất» của trí nhớ. Giả thuyết tiếp tục bảo rằng nếu có cách gì tăng thêm RNA bên trong óc, trí nhớ có thể được cải thiện rõ rệt.

Hai bác sĩ của viện bào chế được phẩm Abbott, bác sĩ Alvin J. Glasky và Nicholas Plotnikoff bắt tay vào việc tìm những hóa chất giúp tạo thêm RNA thêm nhiều. Họ gặp phải magnesium pemoline, sau này được đặt tên lại là cylert. Đây là một chất rút từ một thứ thuốc kích thích nhẹ bán ở Âu châu từ 5 năm nay.

■ **Thí nghiệm với chuột**

Qua những ống thủy tinh và những phòng thí nghiệm, họ nhận thấy quả Cylert giúp tạo thêm RNA thật nhiều.

Trong một loạt các cuộc thí nghiệm với thú vật, trước tiên họ tập cho chuột nhảy mỗi khi nghe chuông reo.

Trong tổng số chuột, họ tách ra những con học chậm mất hơn 30

giấy đề nhảy — và chia số còn lại thành hai nhóm, nhóm giỏi hơn được cho tiêm Cylert. Trong những cuộc thí nghiệm lặp đi lặp lại, Cylert giúp cho Chuột học nhảy nhanh gấp bốn năm lần những con chuột không có dùng thuốc.

Chẳng những học nhanh hơn, chuột dùng Cylert còn nhớ lâu hơn nữa. Tám tuần sau lần dùng thuốc đầu tiếng chuột nghe chuông reo năm giây là nhảy liền. Chuột không dùng thuốc quên bằng đi những gì đã học được và cứ ngồi ý ra đó.

Sự thật hiện nay các khoa học gia vẫn không hẳn chắc chắn số RNA phụ trội bên trong óc là yếu tố chính giúp tăng thêm trí nhớ. Nhưng họ biết chắc được là Cylert đã giúp tăng thêm chất RNA và dường như cải thiện thêm khả năng của ký ức. Ghép hai yếu tố lại nhau, họ nghĩ rằng Cylert có thể là chiếc chìa khóa giúp đầy mạnh ký ức.

● **Không thua quả bom nguyên-tử.**

Cylert có vẻ như đã mở những con đường mới, đem lại những hiểu biết mới về bản chất của khả năng ký ức cho dù sau này nó

chỉ được dùng cho một số người hạn chế, nó vẫn thúc đẩy những cuộc nghiên cứu dẫn đến một hiểu biết sâu rộng về hoạt động của óc hơn bất cứ lúc nào khác trong lịch sử con người.

Tuy Cylert đã gây nhiều dư luận sôi nổi và khiến nhiều người vội dự đoán về những lợi ích của nó, phải ít nhất ba năm nữa mới có thể hoàn thành công cuộc nghiên cứu tác dụng của nó trực tiếp với con người. Sự áp dụng Cylert hiện nay chỉ còn trong vòng thực

nhịệm. Phải đợi đến 1969 công chúng mới có thể dùng đến nó.

Điều quan trọng hơn hết là cylert dường như đã khai mào cho một cuộc cách mạng về nghiên cứu óc, cuộc cách mạng có thể ăn lan rộng khắp nhân loại. Nếu con người có thể chế tạo, một ngày gần đây, những thứ thuốc bảo trì trí óc một cách kiến hiệu, đời sống con người sẽ được cải thiện vô bờ. Những thứ thuốc như thế gây vang dội rộng lớn không thua quả bom nguyên tử.



NHỮNG VŨ-ĐIỀU CAO - MIÊN

* LÊ - HƯỞNG

(tiếp theo Phê-Thomas 187)

IV.— Trong đội binh của Hầu-Vương (1) cũng có võ tướng, tướng lĩnh chỉ huy quân lính gọi là Néay Khén Sva, lính khỉ gọi là Guok Khén sva. Y phục cũng giống như đội binh không lồ, mặt nạ màu nào thì quần áo màu ấy, tùy theo màu sắc của vị chỉ huy :

Hanuman là khỉ trắng gọi là svar Sor, Nillaphat là khỉ đen gọi là Sva Khmao, Sugriva là khỉ đỏ.

Bali là khỉ xanh.

Bốn vị tướng khỉ này mặc y phục võ tướng, có mang thêm một đoạn lụa xe lại từng vòng khích nhau để làm cái đuôi.

V.— Garuda vua loài chim gọi là Krut mang mặt nạ mặt người có mỏ chim ngậm một viên đạn. Áo ngoài của vai này bỏ vào cái chần Sampot gọi là Sarabap bằng lụa dệt với chỉ vàng, từ thắt lưng xuống đến gối có hai mảnh lụa đỏ có thêu xung quanh gọi là Snap chong, ở hai đầu gối có hai mảnh khác gọi là Snap Chung Kong, cả bốn mảnh này được gắn vào quần gọi là Attalai Sarou nhờ hai cánh chim bằng chỉ vàng thêu trên khung sắt

(1) Thần khỉ được cả đoàn khỉ theo hầu y như một Triều đình của người (theo thần thoại Bà la môn).

NHŨNG VŨ ĐIỀU CAO-MIÊN

minh vải giữa hai cánh có một cái đuôi bằng tơ cũng thêu trên khung sắt, trước bụng có một miếng lụa thêu thể cho mảnh vải Robaing Muk, hai tay áo có hai tay khác mang ở ngoài gọi là Snap Day ở góc cúi chỗ uốn cong lên. Mảnh khăn choàng cổ gọi là Nap Kô và hai hình cánh chim nhỏ trên vai gọi là Entam có vẽ hơi khác hơn đồ dùng của vai Hoàng tử, còn đồ trang sức thì hoàn toàn giống nhau.

Trong nhóm nhân vật thần bí biết bay có vai Tiên đồng Kinàra và vai Sarika, con sáo biết nói. Y phục của bốn vai Tiên đồng Kinàra là sự pha trộn y phục của vai Hoàng tử và Vua loài chim Garuda. Quần, áo bằng nhung, mảnh khăn choàng cổ thêu chỉ vàng có cần nhiều mảnh kiếng nhỏ, cái mũ và đồ trang sức giống như của vai Hoàng tử, những mảnh lụa thêu bên vế và ở đầu gối, hình cánh chim nhỏ trên vai, cánh và đuôi giống như của vai Garuda. Những yếu tố riêng biệt của vai Tiên đồng Kinàra gồm có: một đôi bằng tay bằng da tô màu vàng, một mảnh da tô màu vàng đeo trước bụng gọi là Phehét, một mảnh

lụa thả dài từ thắt lưng đến gối gọi là Tat, hai miếng đồng mạ vàng che ngực cột bằng sợi giây chuyên nhỏ.

Vai con sáo biết nói Sarika có bộ y phục khác hẳn: quần, áo, cánh, đuôi bằng vải láng đen dày, bao tay, vớ, vải bó cổ chân bằng vải mỏng hơn. Tất cả đồ trang sức đều không dùng đến, chỉ có cái mặt nạ đầu sáo mà thôi.

VI.— Vai Hoàng tử Ngos mặc y phục Hoàng tử: quần Chong Khor, áo Ao Pak bằng nhung đen có thêu, giây nịt Kravat, mảnh vải Robaing Muk và Chéay Krèng và một mảnh thứ tư ở sau lưng gọi là Robaing Kroy, hình cánh chim nhỏ trên vai gọi là Entam, khăn choàng cổ gọi là Srang Kô, cái chân Sampot dệt chỉ vàng Sarabap, sợi giây nịt thứ nhì bằng vải láng có đầu bằng da sơn vàng, một cái khăn choàng thật lớn gọi là Pha Hum bằng lụa đỏ rất cần thiết cho vai này. Điểm đặc biệt nhất là cái mặt nạ đen xem rất ghê tởm, tóc quần, không có mũ nhọn như mặt nạ của các vai trong Hoàng tộc vai trò này khi gần

NHŨNG VŨ ĐIỀU CAO-MIÊN

hết vở tuồng thì nữ diễn viên bỏ mặt nạ ra, đội mũ Mkot. Vũ khí của Hoàng tử Ngos là cây gậy thần rất khó múa men.

VII.— Sau rốt là vai vị tu sĩ không có dinh dáng đến các nhóm vai trên đây. Y phục vai này chỉ có một cái chân Sampot một cái áo rộng dài của tu sĩ và một cái mặt nạ riêng gọi là Muk Eysay.

VIII.— Vai hai chú hề là vai đặc biệt nhất trong đoàn hát do nam diễn viên đóng, mặc một cái áo « bành tô » bằng lụa thêu bông vàng và một cái chân Sampot bằng vải gọi là Pha lay Tath. Tuy nhiên vì vai trò của họ bắt buộc phải chọc cười khán giả nên thường thường họ đeo thêm nhiều món vật thật lạ lùng.

VAI NỮ

Trước khi trình bày y phục của vai nữ, thiết tưởng cần giải thích những điểm khác biệt của quần và áo mà chúng tôi sắp liệt kê dưới đây.

Cái chân Sampot trong vai nam được cuộn tròn ra sau dấp mỗi vào thắt lưng thành hình một cái quần cụt rộng, còn trong vai nữ thì buông xuống như cái

váy của đàn bà Mã Lai. Trong y phục vai nam cái áo có tay dài, vai nữ thì để tay trần và trên vai không có hình cánh chim nhỏ. Mảnh khăn choàng là một món trang sức bắt buộc phải có, nữ diễn viên choàng trên mặt vai để một vai trần, mảnh khăn rơi dài từ lưng đến gót chân. Chỉ có vai nữ tỷ thì choàng khăn phủ hai vai, cột chéo khăn phía trước ngực. Mũ của vai Hoàng hậu và Công Chúa thấp hơn mũ vua và Hoàng tử, để trên một mảnh vải trắng cột trên đầu vũ nữ và không có những giải mũ tồn ten hai bên tai. Không bao giờ vai nữ mang mặt nạ.

I)— Vai Hoàng Hậu và Công Chúa gọi là Néang ÊK mặc một cái áo thêu có viền chỉ bạc mạ vàng gọi là Ao Sbay một cái áo ngắn bằng lụa gọi là Ao Pak, một khăn choàng cổ bằng tơ gọi là Srang Kô, một cái chân Sampot dệt chỉ vàng gọi là Sarabap. Một mảnh khăn choàng bằng nhung thêu vàng và bạc. Đồ trang sức gồm có: một sợi giây nịt bằng bạc mạ vàng với cái đầu bằng vàng nạm kim cương, 5 sợi giây chuyên đeo treo trước ngực, một sợi giây chuyên có

NHỮNG VŨ ĐIỀU CAO-MIÊN

miếng vàng nam kim cương, hình lá da gọi là Slek Por, một đôi hoa tai lấp lánh gọi là Tum-hou, ba đôi vòng tay: Kàng Day, Kravel Day, Patrum giống như vòng của vai Hoàng Tử, một chiếc vòng lớn bằng đeo ở bắp tay nam ngọc gọi là Baing Phapr, hai đôi kiềng cẳng Kàng Chong, Kravel Chong, và một cái mào Mkot bằng vàng.

Vai Công Chúa gọi là Néang Rong cũng mặc y phục và đeo đồ nữ trang y như vai Hoàng Hậu chỉ có cái mào thì bằng giấy bồi hay bằng da cần nhiều mảnh kiềng lấp lánh.

II) — Y phục 4 vị mạng phụ theo Hoàng Hậu gọi là Phi Lieng EK có vài điểm ít rắc rối hơn y phục vai Hoàng Hậu như: cái chân Lò bót bằng lụa thay vì có dệt chỉ vàng, 3 sợi giây chuyền đeo treo trước ngực thay vì 5 sợi, các món nữ trang khác thì bằng bạc mạ vàng thay vì bằng vàng thật, đôi vòng Patrum có 20 hạt bạc mạ vàng thay vì 40 viên, đôi kiềng cẳng Kravel chong bị bỏ luôn cả những viên ngọc nam ở chiếc vòng lớn bằng đeo ở bắp tay,

và một cái mào vòng tròn thay vì cái mào có đầu nhọn Mkot.

Vai 20 nàng hầu gọi là Kom Nan đeo đồ trang sức ít hơn nữ diễn viên chỉ có 3 đôi vòng tay Kàng Day, Kravel Day và Patrum, cái mào vòng tròn gọi là Kbaing Na thấp hơn và ít đẹp hơn mào của vai Mệnh phụ, chỉ có y phục thì giống nhau.

III) — Vai bà chằng hay người Không lồ mặc y phục và đeo nữ trang tùy theo cấp bậc của vai trò trong tuồng hát giống y như vai Công Chúa. Mệnh phụ, nàng hầu, nhưng vì vai nữ không bao giờ mang mặt nạ nên khán giả nhận biết họ qua lối bước chân bởi vì mỗi hàng người đều có lối bước và nhịp điệu riêng biệt hợp với lời hát đậm và lời đọc tuồng.

Không có vai nữ trong vai khỉ.

IV) — Bốn vũ nữ đóng vai Tiên nữ Kinarey mặc y phục giống y như vai Tiên đồng Kinara: áo vàng, quần tím.

V) — Sau rốt, vai Người cá gọi là Savan Machchha cũng mặc y phục giống như vai Tiên nữ Kinarey: áo lụa đỏ có tay dài,

NHỮNG VŨ ĐIỀU CAO-MIÊN

chân rựa Lò bót, giấy nịt Kravat, một mảnh vải bỏ thổng trước bụng gọi Robaing Muk và một cái đuôi cá ở phía sau, mào vòng tròn như vai Mệnh phụ và nữ trang y như thế.

oOo

Dù đóng vai nào, các vũ nữ thường mang vờ màu da người. Các cô thích thêm hoa vào đồ trang sức, khi thì cột từng xâu làm vòng tay, khi thì cột dính nhau để trên mào thông hai bên tai. Thỉnh thoảng có cô đeo thêm nhẫn và vòng tay đã được vua ban thưởng sau buổi trình diễn.

Y phục được may đúng theo người của vũ nữ. Trước khi ra sân khấu, vũ nữ dờn phấn thật nhiều cho có vẻ khác thường đời. Các vai nam thì thoa thêm ít màu nghệ trên lớp phấn, môi thoa son, chân may kẻ đen, cánh tay và bàn tay thoa nghệ.

Một kho dụng cụ gần phòng hát chứa gương, giáo, gậy quạt, một chiến xa (ít khi dùng đến), đầu ngựa bằng giấy bồi mà diễn viên không mang như mặt nạ lại đội trên đầu để làm ngựa kéo chiến xa hoặc làm Tướng, làm quân sĩ trong toán kỵ binh.

oOo

Một điều đáng chú ý là y phục của vai nhà vua, Thần Thánh và Hoàng Tử giống như y phục của Quốc vương Cao Miên mặc trong ngày lễ Đàng Quang và y phục vai Công Chúa thì các cô gái ngoài đời mặc trong hai ngày lễ quan trọng nhất của đời mình là lễ cắt tóc và lễ cưới. Vì thế cô gái nào được Hoàng tộc cho mượn y phục của vũ nữ đem về nhà mặc trong dịp lễ ấy thì sung sướng không cùng.

(còn tiếp)



* DANH NGÔN

— Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.
TỤC-NGŨ

— Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang
Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu
(CA ĐAO)

TRUYỆN NGOẠI-QUỐC
* KNUT HAMSUN
(Giải Nobel 1920)

TIẾNG GỌI CỦA ĐỜI SỐNG



VÀO gần bên trong hải cảng Copenhagen, có một đường phố gọi là Vestervold, tuy là một con đường hoang vắng, song tương đối đó là một con đường mới. Có vài căn nhà, vài ngọn đèn khi trên con đường đó và gần như không có một người nào. Cả đến hiện giờ, trong mùa hè, họa hoàn mới có một người nhàn tản trên con đường đó.

A, nhưng mà buổi chiều cuối cùng tôi đã gặp một sự ngạc nhiên trên con đường đó.

Tôi đi ngã nghiêng bên vệ đường thì khi đó có một người đàn bà đối diện. Không thấy ai khác nữa. Mấy ngọn đèn khi đã thấp sáng, tuy vậy trời vẫn tối — tôi cho đến nỗi tôi không thể nào nhận ra mặt người đàn bà. Một cô gái ăn sương thường lệ, tôi tự nghĩ, và đi qua mặt nàng.

Đến cuối đường, tôi ngập ngừng và quay trở lại. Người đàn bà cũng quay trở lại và tôi lại gặp nàng. Nàng đang đợi chờ một người nào đó, tôi nghĩ, và tôi tò mò muốn biết người nàng

TIẾNG GỌI

đợi là ai, và tôi lại đi qua mặt nàng.

Khi tôi gặp nàng lần thứ ba, tôi nghiêng nón và nói với nàng.

— « Chào cô ! Chắc cô đang đợi một người nào ? »

Nàng giật mình. Không — à phải — nàng đang đợi một người nào đó.

Cô có phản đối việc tôi cùng đi với cô cho đến khi người cô đợi đến không ?

Không hẳn là nàng không phản đối, và nàng cảm ơn tôi. Nàng giải thích, thật ra nàng không mong đợi ai cả. Nàng chỉ đi hóng gió, và vì vậy nên nàng vẫn còn ở đây.

Chúng tôi đi dạo bên cạnh nhau. Chúng tôi bắt đầu nói về nhiều chuyện không ăn nhập vào đâu. Tôi đưa tay.

« Cảm ơn, không » nàng nói, và lắc đầu.

Đi chơi theo lối này chẳng thú vị gì, tôi không thể thấy mặt nàng trong bóng tối. Tôi quẹt một que diêm để xem mấy giờ rồi. Tôi cũng đưa que diêm lên và nhìn mặt nàng.

« 9 giờ 30 » tôi nói.

Nàng rùng mình như thể là nàng đang bị công lạnh. Tôi vỗ lấy dịp may. « Cô bị lạnh hả ? tôi hỏi. Chúng ta có nên tạt vào chỗ nào đó kiếm chút gì uống không ? Ở quán Nivoli ? Ở Natjonal ? »

« Nay, ông thấy không, hiện giờ tôi không thể đi đến bất cứ chỗ nào », nàng trả lời.

Và lần đầu tiên tôi để ý thấy nàng choàng một chiếc voan đen rất dài. Tôi xin lỗi nàng, và đồ thừa vì bóng tối nên tôi mới làm lẫn. Và cái cách thức mà nàng nhận lời xin lỗi của tôi, lập tức làm cho tôi tin rằng nàng không phải là một trong những người thường đi đêm.

« Cô có cần nắm lấy tay tôi không ? » tôi lại đề nghị. « Có thể làm cô ấm chút đỉnh ».

Nàng nắm lấy tay tôi.

Chúng tôi chậm rãi đi lên đi xuống một vài vòng. Nàng yên cầu tôi xem giờ lại.

« Mười giờ » tôi nói. « Cô ở đâu ? »

« Ở Gamle Kongevei »

Tôi đứng nằng lại.

« Và có thể nào tôi đưa cô đến cửa không? » tôi hỏi.

« Không được rồi, » nàng trả lời. « Không, tôi không thể để anh. Anh ở phố Bredgade có phải không? »

« Làm sao cô biết thế? » tôi ngạc nhiên hỏi.

« Ô, tôi biết ông là ai mà » nàng trả lời.

Ngừng một lát. Chúng tôi tay trong tay đi xuống những phố có đèn. Nàng đi thật nhanh, tấm voan dài của nàng tung bay phất phới đằng sau.

« Tốt hơn chúng ta nhanh lên » nàng nói.

Đến cửa nhà nàng ở Gamle Kongevei nàng quay lại tôi như thể để cảm ơn về lòng tốt của tôi đã đưa nàng. Tôi mở cửa cho nàng, và nàng đi vào một cách chậm chạp. Tôi đẩy vai tôi nhẹ nhàng lại cánh cửa và theo nàng vào trong. Khi vào trong nhà nàng liền nắm lấy tay tôi. Hai chúng tôi không nói lời nào.

Chúng tôi leo lên hai dãy thang

lâu và dừng lại ở tầng thứ ba. Nàng tự mở cửa căn phòng nàng rồi mở cánh cửa thứ nhì và nắm tay tôi dắt vô trong. Có lẽ đúng đó là một phòng khách; tôi có thể nghe đồng hồ chạy tít tấc trên tường. Một lần, bên trong cánh cửa người đàn bà do dự trong giây lát, rồi bỗng nhiên ném hai tay nàng về phía tôi, và hôn tôi một cách run rẩy, một cách nhiệt tình ngay trên miệng. Đứng ngay trên miệng.

« Anh không ngồi à? » Nàng đề nghị « Ngồi xuống đi - vàng đây này. Trong khi tôi sẽ đi thấp đèn. »

Nàng thấp đèn lên!

Tôi nhìn quanh tôi, chưa hết ngỡ ngàng, sửng sốt. Tôi nhận thấy tôi đang ở trong một phòng khách cực kỳ rộng lớn và sang trọng với những cánh cửa nửa mở dẫn sang các phòng khác bên cạnh. Tình cờ tôi tìm ra những gì của người ta mà đời tôi không thể nào hiểu được.

« Thật là một gian phòng đẹp đẽ » tôi la lên. « Có ở đây chứ? »

« Phải, đây là nhà tôi », nàng trả lời.

« Đây là nhà cô? Có ở với cha mẹ chắc? »

« Ô không » nàng cười. « Tôi là một bà già, như anh sẽ thấy! »

Và nàng gỡ chiếc voan và khăn choàng ra.

« Đây — nhìn đi! Tôi đã nói gì với anh! » nàng nói, và một lần nữa lại ném hai tay nàng về phía tôi một cách hối hả, bị điều khiển bởi một sự ước muốn không thể đè nén được.

Nàng có thể đã có hăm hai hoặc hăm ba tuổi, đeo một chiếc nhẫn trên tay phải, và việc đó chứng tỏ nàng là một người đàn bà thực sự đã kết hôn. Đẹp? Không, mặt nàng đầy tàn nhan và rất ít lông mi. Nhưng ở nàng có một sức sống sôi nổi, và miệng nàng đẹp một cách lạ thường.

Tôi muốn hỏi nàng là ai, chồng nàng ở đâu, nếu nàng có và căn nhà này mà tôi đang ở trong, nhưng mỗi lần tôi mở miệng nàng liền ném cả thân hình nàng về phía tôi và ngăn cấm sự soi mói của tôi.

« Tên tôi là Ellen » nàng cho biết. « Anh cần uống thứ chi không? Nếu tôi bấm chuông

thì có thật không phiền ai chăng. Có lẽ trong khi đó anh bước vào phòng ngủ ở kia. »

Tôi đi vào phòng ngủ. Ánh đèn từ phòng khách chỉ chiếu sáng phòng ngủ một phần nào thôi. Tôi thấy hai cái giường. Ellen bấm chuông và bảo đem rượu vang, và tôi nghe người tớ gái đem rượu vang vào và lại đi ra. Một lát sau đó Ellen vào phòng ngủ sau tôi, nhưng nàng ngừng một lát nơi cánh cửa. Tôi tiến về phía nàng một bước. Nàng nấc lên tiếng khóc nho nhỏ và đồng thời tiến về phía tôi.

Đây là buổi chiều cuối cùng

Sẽ thêm việc gì xảy ra? A, hãy kiên nhẫn! Còn nhiều chuyện lắm mà!

Sáng nay khi tôi thức dậy thì trời đang bắt đầu sáng. Ánh mai chiếu rọi vào gian phòng qua các tấm màn. Ellen cũng đã thức dậy và mỉm cười với tôi. Tay nàng trắng nõn và mềm mượt như nhung, vú nàng cao lớn khác thường. Tôi thì thầm với nàng một vài lời, và nàng khóa miệng tôi với thân thể nàng, với sự cảm lặng dịu dàng.

Nắng mai càng lúc càng sáng hơn.

Hai giờ sau đó tôi đã đứng dậy. Ellen cũng đứng dậy và nàng hối hả mặc quần áo — nàng đã mang giày vào chân. Lúc bấy giờ tôi đã trải qua một việc gì đó mà ngay cả hiện tại câu chuyện xảy đến cho tôi như một cơn ác mộng ghê gớm. Tôi đứng ở chỗ rửa ráy. Ellen lo làm một vài công việc vặt hoặc làm gì đó ở phòng bên cạnh, và khi nàng mở cửa tôi xoay quanh và đưa mắt liếc nhìn vào trong. Một cái lạnh thoáng qua từ cánh cửa sổ mở trong gian phòng dồn đến trên người tôi, và ở giữa căn phòng tôi có thể quả quyết có một xác chết nằm dài trên bàn. Một xác chết mặc đồ trắng, nằm trong quan tài, với hàm râu xám, xác chết của một người đàn ông. Xương đầu gối của y lồi lên y như bàn tay nắm chặt lại một cách giận giữ dưới tấm vải và mặt y tái nhợt và hết sức kinh khủng. Trong ánh nắng rạng rỡ tôi có thể thấy tất cả mọi vật. Tôi quay đi và không nói một lời.

Khi Ellen trở lại tôi đã mặc

xong quần áo và sẵn sàng ra đi. Tôi hầu như khó có thể cưỡng sự xiết chặt của nàng. Nàng mặc thêm quần áo ; nàng muốn đưa tôi xuống tận cửa dưới đường và tôi để nàng đi, vẫn không nói gì. Đến cửa nàng ép sát vào tường như thể khỏi bị ai thấy.

« Tốt, thôi tạm biệt » nàng thì thào.

« Mai còn chứ ? » Tôi hỏi, một phần để thử nàng.

« Không, ngày mai thì không »

« Tại sao ngày mai lại không ? »

« Không nên thắc mắc lắm vậy bồ. Ngày mai tôi sẽ đi đưa đám táng, một người họ hàng của tôi chết. Ngày đó — anh biết mà ».

« Nhưng ngày mốt ? »

« Vâng, ngày mốt, ở chỗ cửa đây. Tôi sẽ gặp anh. Chào anh ».

Tôi bước đi.

Nàng là ai ? và cái xác chết ? Với hai tay nắm chặt lại và khoe miệng sụp xuống — thật đúng là cái cảnh cười ra nước mắt ! Ngày mốt nàng sẽ chờ đợi. Tôi có nên lại gặp nàng nữa không ?

Tôi đi thẳng xuống tiệm cà phê Bermina và xin xem cuốn sách ghi nhận số ở Gamle Kongevei. Tôi tra cứu con số ở Gamle Kongevei gì đó và — đấy — có tên rồi. Tôi chờ một ít lâu cho đến các nhật báo sáng mai phát hành. Lúc bấy giờ tôi vội vàng lật xem mục cáo phó tang chế, và — chắc đúng rồi — ở đó tôi tìm thấy tên nàng nữa, đứng đầu bằng cáo phó, in bằng chữ đậm. « Chồng tôi, 53 tuổi, chết ngày hôm nay

sau một thời gian dài đau ốm. » Bằng cáo phó ghi ngày hôm kia.

Tôi ngồi trầm ngâm một lúc lâu.

Một người đàn ông kết hôn. Vợ y trẻ hơn y tới 30 tuổi. Y ký giao kèo với con bệnh kéo dài. Một ngày đẹp trời y chết.

Và người góa phụ trẻ thờ dài nhẹ nhõm.



BIẾT CHỌN AI BÂY GIỜ ?

Chiều tan sở, hai cô bạn vừa đứng đợi xe buýt vừa trò chuyện. Hào hỏi Hồng :

— Này chị, em có một chuyện thắc mắc mà không biết phải giải quyết làm sao cho ổn thỏa, để em kể chị nghe và có ý kiến gì giúp em với : Số là em có 2 người bồ, một người thì đẹp trai nhưng nghèo, còn người giàu nhưng lại xấu. Vậy em nên kết hôn với ai hơn ?

— Hào nên lấy người nghèo mà đẹp trai là hơn. Còn người xấu trai nhưng giàu thì nên nhường lại cho Hồng, kẻo để người khác gặp thì uổng lắm. Sau này có gì Hồng sẽ giúp đỡ cho.

Xuân 18

* NGUYỄN-VỸ

Ấm-áp xuân-quang, nắng dịu-hòa

Xuân về chớm nở giấc mơ hoa.

Lòng nàng rung-cảm cùng mây gió

Đón ánh xuân hồng nhịp khúc ca

Vũ trụ bao la ý diệu-huyền,

Hồn thơ xao-xuyến nhạc giao-duyên

Tuổi xuân ngây-ngất men màu nhiệm

Nở vạn chồi mơ nét diễm-tiên

Nàng ước mùa xuân mãi đẹp tươi

Nhụy xuân đừng nhạt, cánh đừng rơi,

Trái bao sương nắng không tàn tạ,

Đượm mãi tình xuân trên nét mới.

Nàng muốn mùa hoa nở một lần

Là mùa xuân mãi của thi-nhân,

Đề hoa tô-điểm tình xuân nữ

Và đề thơ chàng tô-điểm xuân...



PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

MỘT CUỐN SÁCH
ĐÁNG ĐỌC :

NON NƯỚC PHÚ - YÊN

* Thiệu-Sơn

tÒA soạn Phở-Thông chuyên giao cho tôi một cuốn sách và một bức thư. Sách nhan đề «Non nước Phú-Yên». Bức thư là của tác giả là ông Nguyễn-đình-Tu tại Ty Địa chánh Khánh-Hòa.

Sách và thư tôi đã nhận được từ trên một tháng nay nhưng tôi nay mới nói đến vì tôi không muốn làm một việc khinh xuất theo thông lệ là lật cuốn sách ra đọc hồi há vài trang đầu, vài

trang chót rồi viết vài hàng giới thiệu gọi là đề đền đáp người đã tặng sách cho mình.

Công việc giới thiệu là công việc của nhà báo, vì sách giới tới nhiều quá không thể mỗi cuốn đều đọc hết và chỉ cần giới thiệu vài hàng là đủ rồi.

Nhưng tôi không cần phải làm công việc đó. Một là tôi không coi không nói gì và cũng không cần phải trả lời tác giả Hai là tôi coi, thấy không đáng nói rồi làm thỉnh luôn.

Ba là tôi coi, thấy có giá trị đáng viết thành bài phê bình để khuyến khích tác giả thì viết.

Do đó mà tôi viết bài này.

Tôi có hai nhận xét :

Nhận xét thứ nhất là ông Nguyễn đình Tư đã bỏ rất nhiều công phu cho cuốn sách đầu tay của ông. Ông đã tham khảo nhiều sách, nghiên cứu rất kỹ về địa lý, về lịch sử, về phong tục để xây dựng nên một cuốn sách khá gọi là đầy đủ về giới thiệu « Non nước Phú-Yên ». Ông còn có hoài bão sẽ tiếp tục vẽ ra nhiều non nước ở nhiều địa phương khác nữa để kết hợp lại thành « Giang sơn gấm vóc » của toàn cõi Việt-Nam.

Việc làm đó to lớn vô cùng, hữu ích vô cùng, nếu một mình ông làm không nổi thì ông nên hợp tác với một số những anh em đồng chí hướng với ông để hoàn thành bức địa đồ của non nước Việt-Nam

Nhận xét thứ hai là việc làm của ông đã đánh đổ một thành kiến của tôi là công chức là một hạng người nên để ra ngoài lề xã hội. Tôi đã từng làm công chức như ông, nhưng thấy rằng

cái nghề « cạo giấy » của mình làm mất ngày giờ của mình nhiều quá và thật sự không ích lợi bao nhiêu cho xã hội.

Mất ngày giờ thôi cũng được đi Nhưng nhiều khi mất cả nhân cách nữa mới là điều tủi nhục. Hồi Pháp-thuộc còn khá, từ hồi chánh quyền về người mình thì lại càng tệ hơn. Họ coi công chức như công cụ của họ, bắt tròn, bắt méo, bắt đả đảo, bắt hoan hô, và bắt mình làm biết bao nhiêu việc trái với ý muốn của mình. Tủi nhục hơn hết là công chức dưới chế độ của cụ Ngô. Không phải là tôi thích làm dân thuộc địa. Nhưng tôi không thích làm dân một nước độc lập mà không có chủ quyền, hơn nữa chủ quyền lại nằm trong tay những người đi ngược với nguyện vọng của nhân dân. Độc lập mà như thế thì làm dân thuộc địa còn hơn.

Nhưng nếu làm công chức mà còn làm được những việc như ông làm thì đâu phải là vô ích. Và lại chính nhờ làm việc ở địa chánh mà ông nói có nhiều cơ hội để tìm hiểu non nước Việt-Nam đẹp đẽ và hùng vĩ biết bao nhiêu. Nhưng không phải chỉ đẹp

đẽ ở hình thức mà còn đẹp đẽ ở tinh thần nghĩa là ở dân tộc, một dân tộc không phải nhận lịch sử của tiền nhân, ảnh hưởng của đất nước và đã làm tất cả để tài bồi cho lịch sử, tô điểm cho non sông.

Ông Nguyễn-đình-Tư đã làm cho tôi yêu « Non nước Phú Yên », ông còn làm cho tôi yêu « Giang sơn gấm vóc » và ông đã làm cho tôi yêu lại giới công chức vẫn còn có những người đáng kính và đáng yêu.

oOo

Tuy nhiên, tôi sẽ phụ lòng tác giả « Non nước Phú-yên » nếu tôi không nêu ra được một hai khuyết điểm để giúp cho ông trong công việc sáng tác mà ông sẽ theo đuổi.

Chính ông đã viết cho tôi : « Tôi ước mong được ông bớt chút thì giờ quý báu đọc qua tập biên-khảo này và xin ông vui lòng chỉ giáo cho những chỗ thiếu sót ».

Thật ra phải dày công nghiên cứu mới viết ra được một cuốn sách như thế. Tôi biết gì mà dám nói đến những chỗ thiếu sót của ông ?

Điều tôi có thể nói ra được là vấn đề « lập trường » mà con nhà cầm bút nào cũng phải có. Lập trường của ông chắc chắn là lập trường dân tộc. Vậy ông nên thận trọng khi ông nói về lịch sử ? Ông phải khách quan và không nên thiên vị. Phú-Yên là miếng đất đã đổi chủ nhiều lần. Khi nói đến người Chăm nên nhớ rằng lúc đó người Chăm là chủ và họ có quyền kháng chiến để tự vệ. Khi nói tới Tây Sơn và nhà Nguyễn phải hoàn toàn khách quan và nếu có nói tới Châu-văn-Tiếp thì chỉ nên đề cao những đức tính của ông này chứ không nên cho ông đã phục vụ một minh quân, một chánh nghĩa và cho độc giả có cảm tưởng Tây Sơn là giặc là nguy. Họ chỉ là giặc, là nguy đối với vua Gia-Long chứ họ không là giặc, là nguy đối với dân tộc. Trái lại là khác.

Như vậy thì cần chỉ tác giả phải trích lục bài thơ của cụ Đỗ Phong-Thuần « vịnh Châu-văn-Tiếp » như sau :

« Phò đức Cao-Hoàng vẹn trước sau,
« Cụ Châu-văn-Tiếp bức anh hào.

NON NƯỚC PHÚ YÊN

- « Văn hay không tể, thời nguy
biến,
« Vô giới tung hoành, trí lược-
thao.
« Mấy lượt qua Xiêm tìm Chúa
cũ,
« Nhiều phen chống Ngụy, cứu
binh trào.
« Ra quân chưa thắng thân đã
thác
« Đề khách anh hùng thăm xiết
bao lả
Cụ Đổ phong Thuận đã già rồi
- Cụ thuộc vào loại những nhà
nhỏ « cổ kính » không theo kịp
đà tiến bộ của dân tộc và nhân
loại.
Đề cụ vào sách của ông làm
mất lập trường của ông và cũng
thương tổn phần nào cho giá trị
của cuốn sách.
Nhưng chỉ « phần nào » thôi,
« Non nước Phú Yên » vẫn là
một cuốn sách đáng đọc.

●★



★ ĐỪNG NGOÀI SAO TIỆN?

- Chà, anh Hồng, lâu ngày mới thấy anh ghé chơi.
— Chị vẫn mạnh khỏe chứ? Lâu nay làm ăn có khá
không, chị?
— Cảm ơn anh. Cũng tạm thôi. Mời anh vào nhà chơi
đã.
— Thôi để khi khác tôi sẽ ghé chơi lâu. Bây giờ thăm
chị một tí rồi phải đi đàng này, chốc nữa tôi sẽ ghé lại.
— Làm gì mà vội, anh hãy vào nhà chơi đã. Đứng
ngoài sao tiện.
— Nè chị lắm, tôi vào chơi một tí thôi nhé!!!

HAI BÀI VĂN-TẾ

đã làm xúc động

QUẦN CHÚNG ĐẦU THẾ KỶ

XX

□ Phạm-văn-Sơn

(tiếp theo Phê-Thông 187)

NHỮ chúng ta đã thấy.
Việt gian Nguyễn duy
Hàn bị Cách mạng hạ sát, thân
sĩ Bắc hà đã tốn khá nhiều giấy
mực để làm các bài văn, thơ mĩa
mai, chửi bới, và một thời
những bài văn thơ đó đã được
truyền bá khắp xứ tuy chỉ bằng
lời xuất bản miệng mà thôi, mà bà
con miền Bắc nhớ mãi mãi.

Hai năm sau cũng có một số
văn thơ nữa ra đời nhưng không
phải để « ngàn năm bia miệng »
mà để « ngàn năm luyện tiếc »
người quá cố.

— Người quá cố đó là ai?

— Thưa, Hoàng trọng Mậu,
một chiến sĩ của Việt Nam-Quang
phục Hội là một đảng Cách-mạng

nhóm ở hải ngoại (Quảng châu) dưới quyền chỉ huy của cụ Phan bội-Châu và Cường-Đề.

Lúc này Đệ nhất thế chiến đã mở màn. Các nhà cách mạng của chúng ta thấy cần lợi dụng cơ hội thực dân Pháp mắc mưu vào chiến tranh bên kia Đại tây dương để thúc dục đồng bào nổi dậy chống ngụy quyền thống trị.

Việt Nam Quang phục Hội đã hiện lạc được với Lãnh sự Đức ở Yong Các và được trợ giúp một số tiền để khởi đầu, do đó có trận đánh vào một vài đồn ở biên giới Việt Hoa đáng kể nhất là việc đánh đồn Tà-lùng thuộc tỉnh Cao Bằng. Phụ trách cuộc tấn công vào đồn này là Nguyễn Hải Thần và Hoàng trọng Mậu. Nhưng do có sự bất đồng ý kiến về chiến lược, Hoàng rút lui, Nguyễn cố đánh nên đã thất bại (việc xảy ra vào đêm 13-3-1915.) Lúc này trong giới cách mạng có khả năng về mưu lược và quân sự là Hoàng trọng Mậu và Trần hữu Lực. Thực dân Pháp biết rằng Cách mạng Việt Nam không bỏ lỡ dịp « chánh quốc » mất liên lạc với thuộc địa nên đã giàn xếp với các lân quốc để lũng bắt các

chiến sĩ của ta, vì thế mới xảy ra vụ Long tế Quang Đốc công ở Quảng Tây câu lưu cụ Sào Nam toan đòi chác cho Pháp để kiếm một số tiền lớn, Hoàng trọng Mậu và Trần hữu Lực rơi vào lưới của các nhà đương cục Anh và Xiêm ở Hương cảng, Bang-cốc.

Hai ông Mậu và Lực bị họ dẫn độ về Đông Dương nộp cho Pháp cùng một số đồng chí. Bảy người trong bọn ông bị kết án tử hình, đứng đầu danh sách là hai họ Hoàng, Trần. Nơi hành quyết là Bạch Mai vùng ngoại ô phía Nam thành Hà-nội.

Trước khi ra đời, ông Mậu và Lực bị tra tấn dữ dội nhất. Ông Mậu trong nhà giam đã bình tĩnh ngâm :

« Thiên niên cổ quốc quyền để
thâm.

Vạn lý cô thân hạc khiếu ai».

Tạm dịch :
(Ngàn năm nước cũ quyền kêu
thâm,

Vạn dặm tôi xa hạc khóc thương.)
và khi bị đưa ra pháp trường ông còn lưu lại cho đời sau tâm

trí óc của một nghĩa sĩ bị
tấn :

« Ai quốc hà cô, duy hưu tinh
thần chung bất tử.

Xuất sư vị tiếp, khả trương tâm
sự thác lai sinh.

(Yêu nước tội gì, chỉ có tinh
thần là chẳng chết,

Ra quân chưa thắng, dám
dem tâm sự gửi người sau)

Về phần họ Trần, ông cũng
không tiếc cái chết mà chỉ tiếc
chỉ nguyện không thành nên đã
có đôi câu đối đầy uất ức như
sau :

« Giang san dĩ tử, ngô yên đặc
du sinh, thập dư niên luyện kiếm
ma đao, tráng trí bản phù Hồng
tổ quốc.

Vì đức vị thành, dĩ tiên thung
bại, cứu tuyền điều binh khiến
trương, âm hồn ám trợ thiếu niên
quân.

Tạm dịch : (1)

Ngó cuộc thế anh hùng ghê gớm, thua cái lực mà
hơn vì tài, việc hơn thua kh oãn kể làm hai,
Ngẫm cơ trời quân tử lạ lùng, mất là hình mà còn
lại là danh, lẽ còn mất phải xem như một

(1) Những câu thơ dịch trên đây là của T.H.L. và T.G.A.

HAI BÀI VĂN TẾ

Vốn đã biết Bắc Nam cùng một nước, ngàn muôn dặm
non Hồng biển Lạc, chính khí đầy trời chát đất, năm
xương tàn da ngựa có mã chi.

Những nghĩ rằng sông thác há đôi đờng, hai mươi
năm góc biển ven trời, hiểu linh ngóng mẹ trông cha, nơi
đất tổ đầu hồ gọi là chút. (1)

Xót vì máu mủ, giọt ngọc mưa tuôn.

Kề lại đầu đuôi, tất vàng lửa đốt.

Nhớ anh xưa :

Quê quán hào hoa,

Cửa nhà trâm hốt,

Nguồn trong núi lặng, đất đức khuôn thiêng,

Ngọc đẹp vàng tinh, trời cho chất tốt,

Học vấn mắt cùng muôn quyền, tài vẽ vờ dệt gấm
thêu hoa.

Văn minh sai suốt năm châu, chí hăng hái mài nanh
rũa vuốt,

Sân Đông lỗ (2) theo đòi thi lễ, nối nghiệp gia truyền
trung hiếu, nghĩa xuân thu hôm sớm những ôm cầm,

Cỡi Tây Âu đồn tới phong trào, đau lòng quốc thổ
trăm luân. (3) chí hồ thỉ (4) đêm ngày thêm thức mắc.

Vào chiến bốn năm lần bại Bắc (5) trần trọc mười năm
gió bụi, giấc phù sinh khoa giáp chữa người lòng

Đồng tâm ba bảy bạn hoài Nam, nhẹ nhàng nửa
gánh gươm đàn, đờng du học hướng minh (6) bèn thẳng gót.

Trung hoa, Nhật bản, đất nước lưu ly,

Hương cảng, Hoàn tân, tháng ngày thuê hốt.

Học võ bị đề lo phương khôi phục, nào súng, nào gươm,
nào khi cơ đạn dược, Đông kinh, Thượng hải, trường Lục
quân mấy độ truy tày.

HAI BÀI VĂN TẾ

Mượn chiến trường mà thử sức tri khu, (7) có cờ, có
trống, có mã đội sư đoàn, Lương quảng, Vân nam, đảng
cách mạng nhiều phen xung đột (8).

Quang phục gây nên hội mới, Hải thần, Mai Bạng kẻ
hiền tài mà kẻ lại bày mưu;

Ngoại giao giữ được quyền sang, Vọng các, Nam quan,
khí mộ hướng (9) lại khi luyện tốt (10).

Cờ phục Việt phát phơ trước mắt, sức nghĩ, lời tiên
tử long tôn (11), máu đỏ da vàng, nhào nhac đồng bào mấy
triệu, lăm than sao nở thế, máu đê quyền (12) lại tang suốt
đêm hè.

Giáo cầm Hồ (13) múa máy trong tay, đoái trông lại Hoành
sơn, Quế hải, rừng vàng biển bạc, mịt mù Tổ quốc ngàn
năm thành quách hãy còn chăng, hồn biệt hạc lăm le trên
đỉnh cột.

Nào ngờ :

Thế nước còn non,

Vạn nhà chưa suốt ;

Tức tối nhẽ cầm quân Nam phản (14), thế kích tiếp mặc
đầu tráng chí thần linh giúp sức, roi tổ sinh chưa phủ nước
lung hoành,

Xót thương thay khi trở gót Đông du, cánh xung thiên
nóng nổi xa vờ, ma quỷ đem đờng, ngựa quân thánh (15)
khôn dè cơn sáng sớm

Vì ai nên hùm manh sa cơ ?

Vì ai để rồng thiêng đời lốt ?

Ngục Hà-nội già gông tất tuổi, lừng lẫy . án Việt cảnh
quan thông, đồ mưu bạn nghịch » sóng núi chuyền, Nhạc
tướng quân (16) ba chữ kỳ oan. (17)

Trông Bạch Mai kèn trống xôn xao, ngắm ngời cầu
xuất sư vị tiếp, ái quốc hà cô, quý khốc thân gào, vờ
hừa tướng (18) đôi hàng tuyết bạc.

Ôi thương ôi !

Khôi độc mịt mù,

Lửa oan phùn phụt.

Đá núi Tần muôn tầng chất ngất,

Hồn vĩ nhân muôn kiếp chưa tan,

Nước sông Hồng ngàn khoảng mênh mông.

Máu liệt sĩ ngàn thu khó gột,

Hỡi đất, hỡi trời, hỡi giang sơn, hỡi chủng tộc, nơi nào
nữa, trông mong chi nữa, ngàn nổi mây sâu gió thảm, mắt
tử bi mờ mịt lúc tàn canh.

Nào cha, nào mẹ, nào huynh đệ thê nhi, thấy gì đâu,
tìn tức gì đâu, tuyết vời nước thảm non xa, hồn tổ quốc
bơ vơ khi gió落叶.

Khi ấy hãy quanh quần trong tạo hóa, ắt cũng nhờ
trời Việt còn cao, đất Nam còn rộng, cơ chuyển vận sẽ có
xui nên ;

Thù này xin tạc với non sông, dù đến khi sông Lam (20)
hết nước, ngàn Hồng (21) hết cây, lòng báo phục hãy còn
sảng sốt.

Trước có sướng thì sau có họa, nợ tang bồng phải trả
cùng nhau.

Sống là khôn thì thác hẳn là thiêng, tình cốt nhục xin
soi cho trót.

Hỡi ơi, thương hưởng ! *

Vời bài văn tế trên đây, có
chỗ nói rằng không chỉ có nhân
Bắc hà khốc thương những
người vì quốc vong thân mà cả
mọi tầng lớp xã hội Việt Nam
thuở đó sa lệ.

Nước mắt càng rõ xuống lòng
đất mẹ thì cây cách mạng càng
mỗi ngày nảy mầm xanh ngon. do
đó ba chục năm sau (1915-1945)
toàn dân đã lợi dụng được cuộc
thế chiến để nhĩ quật ngã bọn
thực dân giành lại được quyền tự
chủ. Lĩnh hồn các vị tiền bối của
chúng ta hẳn được mát mẻ phần
nào nhưng buồn thay quý dữ vừa
qua thì ma thiêng lại tới : tình
hình quốc tế, quốc gia giờ đây
vẫn chưa hết phức tạp. trên hai
lãnh vực Quốc Cộng. Vẫn còn
nhiều kẻ, xa gần chúng ta đang
mưu toan mãi quốc cầu vinh khiến
ngày nay máu còn đỏ trên dòng
Bến-hải và xương đang chõng
chất thêm nhiều khảo giải Hoành
sơn. Chỉ có bao giờ những kẻ
phản quốc một dân bị tiêu diệt
hết, thanh bình mới có cơ khôi
phục. Cái họa tâm phúc, phải
chăng đáng sợ hơn cả ?

* CHÚ-THÍCH

1) Hồ là cáo. Cò nhân có câu :
Cáo chết 3 năm quay đầu về núi,
nghĩa là đã là con người ai ai
cũng năng tình quê hương.

2) Nói đến nước Lô là nói đến
Không tử. Hoàng trọng Mậu
xuất thân Nho học và đạo Nho là
đạo đó Không tử xuống lên.

3) Trăm luân : chìm đắm.
4) Chi hà thi (hồ thi là cung
lên) chỉ ngang tàng của kẻ tự mí
nam tử.

5) Bạch Bào : thao chạy (Hoàng
thi rớt bốn năm lần)

6) Thương minh : sáng sủa

7) Trì kha : dòng ruồi.

8) Hoàng trọng Mậu đã từng
dự vào cuộc Cách mạng Tân hợi
(1911) của Trung quốc dân đảng.

9) Mộ hưởng : mộ lương

10) Luyện tốt : luyện tập quốc
lĩnh.

11) Long tôn : con tiên-cháu rồng

12) Chím Đổ Quyên : Kêu ra
máu. Theo tích vua Thục mất
nước hóa ra chim Quyên kêu
thâm vào những đêm hè.

13) Cầm Hồ : bắt giặc.

14) Nam phản : trở về, Nam.

15) Quan thánh : Vi Hoàng
như Quan thánh bị giặc bắt.

16, 17) Vi Hoàng với Nhạc
Phi đời Tống đã chết oan ở
việc nước.

18) Văn thừa tướng tức Văn
Thiên Tướng, tôi trung đời Tống.

19) Huynh đệ thê nhi : anh
em vợ con.

20) Sông Lam : con sông ở
xứ Nghệ, quê hương của Hoàng
trọng Mậu.

21) Ngàn Hồng : núi rừng
vùng Thanh Nghệ.

(Một phần tài liệu trích trong
N.C.L.S. số 4-1959 của THL)



Buông khuâng

* Phạm-quan-Trọng (MỸ)



Nhớ em mãi nhưng giả vờ quên mất
Chuyện ngày xưa biết còn đẹp không em
Người anh yêu em vẫn đẹp vẫn hiền
Nơi đôi mắt em vẫn buồn như trước

Gần bên em anh chỉ cầu mong được
Thấy em cười và ở mãi bên em
Anh nhớ em trong một buổi chiều êm.
Sắp xa cách em hình như muốn khóc

Tình yêu nhỏ anh van xin mời mọc
Gót giai nhân xin em bước vào hồn
Hứa với em là anh nhớ em luôn
Nhất đôi mắt khi em buồn chực khóc

Từ hôm đó mỗi lần em đi học
Em lánh anh để làm khổ anh thêm
Anh van em xin thôi giận thôi buồn
Em sao nở hờn anh nhiều đến thế

Chưa vào linh mỗi lần anh đón trẻ
Đề mình em thăm thú trở về nhà
Trên đường về đây đó chẳng bao xa
Nhưng anh vắng em thấy đường xa ngái

Áo Gia Long em vẫn màu thơ đại
Phượng sân trường vẫn nở đẹp hờ Trang
Em vẫn đi đường Bà Huyện thanh Quan
Em còn thẹn như lần đầu anh đến

Em thích nói con trai hay nhiều chuyện
Đón đưa nhau làm con gái thêm buồn
Ước như mình bên nhau mãi luôn luôn
Anh tìm cách bắt em buồn phát khóc

Chiều hành quân lấy thơ em ra đọc
Biết bây giờ em còn nhớ anh không
Buồn lảng lảng khi bay đến hiên phòng
Phi trường lẩn trong rừng chiều hoang đại

Phòng lái nhỏ thơm mùi thơm con gái
Trời gần xuân nên đôi chút hơi sương
Em của anh giờ chắc đã tan trường
Và buồn lắm vì không anh đến đón.

* PHẠM - QUAN - TRỌNG

(Căn-cứ Huân-luyện Randolph (MỸ) 01-1967)

những tay tò

trong ngành gián-điện

LỪNG DANH QUỐC - TÊ

★ **NGUYỄN-MINH** thuật.

(tiếp theo P.T. 186)

★ **Dụng cụ nhà nghề của nhân viên K. G. P.**

Bây giờ tối hôm đó, ban giáo nghiệm sau khi đưa các vi phim vào phòng tối chụp lại và phóng đại thì được biết đó là những hình ảnh đặc biệt và chú thích về loại máy điện tử vi âm của nhân viên K.G.P xử dụng mà vợ chồng Kroger vừa nhận được của Arex.

Một trong những hình ảnh đầu tiên đập vào mắt Smith và ông già Halifax chính là chiếc

bật lửa hiệu Jardlex và lọ nước hoa hiệu Three Flowers.

Nhìn người thuộc viên tài ba của mình, ông già vỗ vai khen ngợi :

— Smith, kỳ này anh có đôi hỏi gì không ?

Smith cười híp mắt :

— Ông cho tôi giải nghệ a !

Cả hai người nhìn nhau cười thông cảm.

★

Thế là toàn bộ hệ thống điện tử khuếch âm và vi âm của Lonsdale hoàn toàn bị khám phá.

GIÁN ĐIỆN

Chiếc bật lửa Yardley là loại vũ khí phòng vệ mới, nó có một hộp đạn mười hai viên khả dĩ giết địch thủ đông hơn dễ dàng, đặc biệt là không hề phát ra tiếng nổ. Khi cần lửa vẫn có thể xài được như thường.

Còn lọ nước hoa Three Flowers chính là chiếc máy liên lạc vi âm điện tử mới được Nga phát minh mà hiệu lực từ trường dài những 10 cây số.

Sau đây là những chi tiết về bộ phận và cách xử dụng các loại vũ khí máy móc tối tân nói trên theo bảng chú thích của các điệp viên Anh tìm ra.

★ **Chiếc hộp quẹt Yardley.**

— Bề cao : 2 cm.

— Bề ngang : 3 cm

— Trọng lượng : 50 grs.

Được trang bị bởi hai nút bấm bằng thép một màu xanh một màu đỏ. Chính giữa có một vòng tròn bằng thép đường kính 1 phân. Nhô lên cách mặt thép 20 ly.

Phía dưới là chỗ đun hơi gaz vào. Chỉ có thể và rất giản dị.

Nhưng nếu đem mở chiếc bật lửa ấy ra. Bên trong sẽ có hai đường rãnh nhỏ, một găng ống gaz vào, một gán một ống dẫn đạn 10 viên. Ống này mắc liền với nút xanh và được gài bởi một chốt an toàn khi muốn xử dụng thành bật lửa chỉ cần bấm nút đỏ, trái lại nếu muốn hạ đoid thủ chỉ cần bấm nút xanh và chốt an toàn bật tung, đạn sẽ từ ống thứ hai chui ra khỏi nòng nhờ một màng hãm thanh nên không phát ra tiếng nổ.

Loại vũ khí này có tầm áp lực vận tốc là 80 cây số giờ, do đó các địch thủ ở gần từ 20 thước có thể bị hạ dễ dàng, chỉ cần một viên cũng đủ. Vì loại đạn có nhồi chất Mengazium là chất phóng xạ nhiễm độc, khi gặp máu sẽ làm chết hồng huyết cầu tức khắc nhờ đó nạn nhân không kịp phản ứng, mà sẽ bị đứt thần kinh rồi gục ngay.

★ **Hộp nước hoa Three Flowers**

— Bề cao : 5 cm.

— Bề ngang : 3 cm,

— Trọng lượng : 60 grs.

Được trang bị bằng hai nút - đóng mở - bên trên mặt thép có một ống sáu lỗ nhỏ dính với 6 đường giầy ăn liền với một máy thu âm nhỏ và hai đường giầy điện tử. Phía dưới là một ổ ngăn cách dùng để chứa Pin. Khi muốn sử dụng chỉ cần kéo một màng ra dài nhỏ phía trên rồi xoay nút mở để nói và nút đóng để nghe.

Muốn sử dụng xa trong quãng 5 cây số trở lên có một giầy Ấn-tên nhỏ phía dưới chỉ cần kéo ra và bỏ lòng thông bất kỳ nơi đâu. Máy này có thể tiếp nhận bất cứ luồng sóng điện nào ngang qua mà không hề bị tiết lộ địa điểm.

● **Khám phá bí mật máy móc tại biệt thự của Lonsdale.**

Sau khi thông dịch 6 trang đánh máy chữ Nga, về phòng phân gián trung ương được biết đó là tài liệu chú thích các hệ thống điện tử trong tòa biệt thự ở Ruislip Road, nhất là mặt hiệu đặc biệt về tên các loại máy đó là: «Lena Ya Amur — Volga — Azov. Tìm hiểu nhân viên của Smith báo cáo cho chàng biết đó là tên một thứ hoa, tên con

sông và tên một hành tinh. Mà phòng nhì của cơ sở K. G. P. Mạc Tư khoa đặt ra khi giao cho cơ sở gián điệp của họ tại Trung ương đặc trụ sở ở biệt thự Ruislip Road.

Smith trình nội vụ cho ông già, thế là một lần nữa chàng và các bạn lại đưa nhau tới biệt thự ấy để tìm tòi bí mật.

Sau khi bỏ mấy ngày nghiên cứu, vào một hôm Smith và người bạn là Halton đang lục lọi, bỗng một con mèo nhảy ngang bàn khách, một tiếng tách khô khan phát ra, Halton reo lên:

— Smith nó đây rồi.

Smith chạy tới, Halton trao cho chàng chiếc hộp quẹt tròn đặt ở bàn khách, bấm các nút ra, Halton và Smith ngơ ngác khi thấy nó không phải là một cái hộp quẹt thường, trái lại là một máy chụp ảnh tự động, mà con mèo khi này đã giúp họ khám phá ra.

● **Máy chụp ảnh tự động: Lena - ya - Amur.**

Thế là một bí mật nữa bị khám phá, máy móc này tên là Hoa Được Thảo, một loài hoa rất

nhạy chuyên săn côn trùng. Nó có ba bộ phận nếu tách rời: ống kính nhỏ, màu đục, đường chu vi 2 cm đường kính 80 ly. Một bộ phận ráp vi phim đường kính 1 phân và một vỏ ngoài gắn liền với một hệ thống điện tử Pin 25 volts có một nhiệt điện 15 ampère khả dĩ phát ra tia điện có cường độ từ trường thu hút hình ảnh thoảng ngang rất rõ.

● **Máy khuếch âm điện ký và vô tuyến truyền hình.**

Smith và các nhân viên tìm kiếm thêm trong phòng của Lonsdale họ đã khám phá thêm tại nhà bếp, một máy khuếch âm điện ký và vô tuyến truyền hình loại bỏ túi nhưng cường độ điện tử rất mạnh.

Thoạt nhìn người ta tưởng nó là một loại Radio stéréo nhưng kỳ thật được nghi trang và trang bị bằng máy khuếch âm phóng đại.

Loại máy ấy được phân ra như sau:

Sát dưới tấm thảm trải nền nhà, là một bộ phận thu phát âm, những tiếng động từ bên ngoài bắt vào một máy điện tử

gắn ngay trên vách tường ở chuyên theo một dòng điện ngầm tới máy pick-up. Máy này kêu những tiếng u u nhỏ rồi lớn dần, đồng thời từ máy chụp hình tự động khi này hình ảnh sẽ được phóng lớn lên màn ảnh mở ở máy vô tuyến truyền hình đặt dưới hình thức một máy điện kế.

Nhờ vậy dù không có người, hoặc có người mà không gây tiếng động vẫn bị ba bộ máy điện tử tinh vi nói trên thu cả vào, kẻ gian dù muốn dù không cũng khó đột nhập vào tòa biệt thự của Lonsdale ở Ruislip Road.

Chiếc máy khuếch âm điện ký và vô tuyến truyền hình chỉ cao hơn sáu tấc, bề ngang 4 tấc và trọng lượng không quá năm kí lô, do đấy dễ vào tủ thức ăn dễ dàng. Cũng như máy điện tử thu tiếng động, nhỏ hơn một quyển sách, Lonsdale đã cho đào một lỗ hồng ngang vách tường rồi bắt hơn 13 đường giầy đi khắp nơi mà thoạt nhìn không thể nào biết.

Tất cả những máy móc kể trên ngoài việc để Lonsdale liên lạc với chi cục « cá mập »

GIÁN ĐIỆN

của hần, loại máy này còn được sử dụng liên lạc thẳng với một hệ thống Tổng đài Trung ương tại Mạc tư khoa mà một số và mặt hiệu chỉ có Lonsdale thuộc lòng.

Cũng từ ngôi nhà ấy, hần cho mắc một loạt các luồng sóng từ 20 tới 25 Kilocycles để dùng làm cơ sở phát thanh cho các nhân viên của hần đang hoạt động trên các quần đảo xa nằm trong bề Manche mà hần có nhiệm vụ kiểm soát cũng như báo cáo về Mạc tư khoa.

● Những ngày cuối cùng của một gián điệp cũ khôi.

Thế là vụ án gián điệp Lonsdale tức đại tá Pinsdask; cùng đồng bọn gồm đại úy Alex Johnson tức đại úy Pelevnov; Kroger và vợ là Lena Helen Kroger đã kết thúc sau ba tháng cơ quan S.I. hợp tác với M.I.5 hoạt động tích cực.

Nội vụ bị đưa ra tòa; Lonsdale bị xử chung thân khổ sai, còn vợ chồng Kroger mỗi người 30

năm khổ sai. Riêng Pelevnov bị trục xuất. Vì ông ta là nhân viên tòa đại sứ Nga nên được hưởng quyền Ngoại giao. Sở dĩ Lonsdale và vợ chồng Kroger bị xử nặng vì họ mang quốc tịch Anh.

Vụ án trên cho thấy bọn K.G.P tức cơ quan tối cao gián điệp của Nga bao giờ cũng xuất hiện cùng khắp các nơi trong các quốc gia tự do.

Họ đóng đủ các vai trò và làm đủ các hành động, dù thế, họ vẫn không qua nổi cơn mắt và tài hoạt động của các điệp viên lạnh nghề tài ba Tây-phương.

Bây giờ vụ án gián điệp Lonsdale năm 1960 có lẽ đã chìm vào quên lãng của thời gian, nhưng đối với các tay tở nhà nghề về ngành này họ không bao giờ coi là cuộc chiến tranh lạnh chấm dứt, trái lại nó đang tiếp diễn và tiếp diễn mãi.

● ✕

★ DANH NGÔN

— Kẻ lấy thể thân chơi với nhau, thể thân mất là hết bạn, kẻ lấy của cải chơi với nhau, của cải tan là mất bạn.

VÂN TRUNG TỬ

Tâm sự người không quen

★ PHÙ - SA - LỘC
(K.B.C. 3663)

Thôi mình xếp lại tuổi thơ
Vai mang súng trận tay cờ Việt-nam
Đứng lên lớp lớp hàng hàng
Sứ xanh viết lại cho ngàn sau noi.

Thôi mình xếp mộng đơn côi
Qua chân mai đố đêm ngồi niềm tin
Tuyến xa khói lửa điều linh
Thân trai hồ hải thỏa tình là đây

Thôi mình xếp lại vòng tay
Bờ môi son thắm nụ say hôn nồng
Treillis chiến trận phiêu bông
Quê hương tâm máu cánh đồng hời tạnh

Thôi mình bỏ hết nghe anh
Liên tay tiếp sức và lành vết thương
Việt-nam má thắm môi hương,
Đó giờ yên hưởng trời nhường cho tợ.



Tuấn

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI 1910-
NƯỚC VIỆT 1960

* NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo P.T 186)

TUẤN không được hoàn toàn thỏa mãn trong ước vọng được chứng kiến tận mắt một buổi cơ bút chính thức tại tòa Thánh Cao Đài. Nhưng Tuấn xác nhận một sự kiện thực tế là một phong trào tôn giáo mới phát động đã được hàng triệu người hưởng ứng tất nhiên là phải có một vài đặc điểm nào đó kích thích lòng người, hoặc thích hợp với tâm tư, hoặc ý niệm của một khối quần chúng vĩ đại như thế.

Dù chúng ta có tin hay không tin, có chấp nhận hay hoài-nghi lý thuyết của tin

ngưỡng mới ấy, sự xuất hiện và hành trường àoạt của Đại Đạo Tam kỳ Phổ Độ ở Tây-Ninh cũng là một biến cố quan trọng, có ý nghĩa, trong lịch sử dân tộc, bắt nguồn từ miền Nam. Song song với các cuộc tranh đấu hoặc công khai, bán công khai, hoặc ngầm ngấm của các đảng phái chính trị chống thực dân đế quốc Pháp, Đạo Cao-đài tuy được phết dưới một lớp màu sắc tôn giáo, vẫn được các giới trí thức thượng lưu và trung lưu coi như che giấu một khuynh-hướng cách mạng lẫn với huyền bí, có tính chất đặc-biệt Á-Đông.

TUẤN, CHÀNG TRAI

Tuấn cảm thấy vô cùng thích-thú, một hôm sau bữa cơm chay chiều với ông Phạm công-Tắc, trong lúc dùng trái cây tráng miệng. Tuấn gợi chuyện quốc-sự, được ông Hộ-Pháp, lãnh-tu Cao-đài-giáo tin cậy nói nhỏ cho Tuấn nghe :

— Từ ngày ông Phan-chu. Trinh ở Pháp về diễn-thuyết ở Saigon, và ông Phan-bội Châu ở Tàu về cư ngụ tại Huế quốc-dân An-Nam đặt nhiều tin-trưởng nơi các bậc chí sĩ làm cách mạng ở Hải-ngoại. Hiện giờ, còn đức Kỳ ngoại hầu Cường-Đề, rể của vua Nhựt-Bôn, và chính là cháu ba đời của, giòng-đôi vua Gia-Long đang ở Tokyo. Ngài là tất cả hy vọng cách mạng của quốc dân ta bây giờ

Đối với Tuấn, câu nói của ông Phạm công-Tắc chẳng phải là một tiết-lộ đặc biệt gì cho lắm, nhưng là một xác nhận đầy ý-nghĩa về một vài dư-luận mà Tuấn đã nghe được của giới cách mạng bí-mật ở Hà-Hội. Sự xác nhận không ngờ ấy khiến

Tuấn có rất nhiều cảm tình với đạo Cao-đài, và Tuấn quan niệm rằng một vài chống đối xao động giữa các môn phái Cao-đài Tây-Ninh, Bến Tre, Cầu-kho, giữa các ông Phạm công-Tắc, Nguyễn-ngọc Trương, Nguyễn phan-Long, v.v... chỉ là những tranh-chấp nội bộ không có ảnh hưởng đến hệ thống trung ương.

Về Hà-nội, với một mở tài liệu đầy đủ và tranh ảnh sắc sảo màu sắc của Tòa Thánh Tây-Ninh, Tuấn viết trong một tuần báo Pháp ngữ và Việt-ngữ một loạt bài đề là « Le vrai visage du Caodaisme ». Tuấn trình bày cho công chúng nhất là ở Bắc kỳ và Trung kỳ biết rõ tất cả những gì Tuấn đã mục kích và tìm hiểu về giáo lý và nghi lễ của tôn giáo mới. Nhiều đoạn bài này đã được trích đăng trong quyển « Histoire du Caodaisme » (1) của

(1) Histoire du Caodaisme, Bouddhisme rénové, spiritisme annamite, religion nouvelle en Eurasie, par Gabriel Gobron, juin 1948 Ed. Dervy, 20, rue de la Trémoille, Paris.

Gabriel Gobron, một nhà triết học Pháp theo đạo Cao-Đài, và đại diện Cao-Đài giáo ở Âu-châu.

Đĩ nhiên, Tuấn chỉ nói đến trạng thái tôn giáo mà thôi, không tiết lộ khuynh hướng chính trị.

Trong quyển ấy, trang 126, 127, 128, Gabriel Gobron có viết sau đây :

« Le Cygne (Bach-Nga) un grand hebdomadaire politique et littéraire de Hà-Noi, a publié une série d'articles. Le vrai visage du Caodaisme (9-1936), d'où nous détachons seulement les passages les plus curieux. Ce fut, comme le titre l'indique, un reportage objectif. Nous ne saurions en faire un meilleur compliment, car la Vérité est aussi le service de Dieu. »

Và dưới đây là trích bài Pháp văn của Tuấn trong báo « Le Cygne » (Bach-Nga) :

« Que mes amis lecteurs se rassurent ! Au lieu de

faire la moue en lisant le sujet de cette enquête, de me toiser d'un oeil étonné, sceptique, ou moqueur, de murmurer contre moi des imprécations, qu'ils écoutent avec ecalme les confidences d'un homme qui, comme eux, comme presque tous les intellectuels tonkinois, ridiculisait volontiers une religion nouvellement née dans son propre pays, tout simplement parce qu'il n'y avait rien compris. « Nouvcllement née » n'est pas tout à fait le mot : d'après le calendrier caodai'ste, l'humanité est en l'An X de la 3e Amnistie de Dieu en Orient ; c'est donc depuis dix ans que eette religion a fait école.

« Un sociologue averti doit remarquer que dès le premier quart de ce siècle, l'Annam a subi une brusque secousse. Il y eut un bouleversement total dans sa destinée de peuple, dans sa pensée et dans sa foi. Le retour des deux Phan. (Phan-Bội-Châu et Phan-Châu-Trinh)

annonça le premier symptôme de cette fièvre qui s'accroît chaque jour. Au point de vue politique, c'est la révolution dans tous les esprits et dans tous les coeurs. Au point de vue économique, c'est le développement intensif des industries, la formation des coopératives et des syndicats ; au point de vue littéraire, c'est la réforme de la langue, l'introduction de nouveaux concepts en Poésie et en Art, et jusque dans le domaine religieux c'est la naissance d'une nouvelle foi.

« Les milliers d'adeptes du Caodaisme ne sont pas tous des personnes crédules ou simplement superstitieuses. Un grand nombre de ceux qui pratiquent la nouvelle religion en Cochinchine, en Chine, en France, sont des intellectuels de haute classe, professeurs, avocats, écrivains, journalistes, députés. Ce n'est pas sans raison que le Caodaisme a fait parler beaucoup de lui' dans le monde entier, que plusieurs

revues célèbres de Paris, de Londres, de Lisbonne, de Varsovie; voire de Rome et de Buenos-Ayres se mettent à étudier son dogme et sa doctrine.

« L'auteur de cette enquête a eu le rare privilège de fouiller les archives du Saint-Siège de Tây-Ninh où il a pu lire des lettres et des documents précieux des bulletins de conversion adressés au Pape par des personnalités étrangères des différentes capitales d'Europe et d'Amérique. Il n'est pas jusqu'au Japon, un pays orgueilleux de son Bushido, qui n'envoie à Tây-Ninh des hommes d'étude pour chercher à comprendre ce que c'est que cette nouvelle Foi qui a ébranlé l'opinion internationale... »

Trên là nguyên văn bài chữ Pháp của Tuấn trong báo Le Cygne và trích đăng trong quyển Histoire du Caodaisme của Gabriel Gobron, ở Paris. Dưới đây xin dịch ra :

TUẤN, CHÀNG TRAI

« Xin bạn đọc yên tâm! Trong khi đọc đầu đề bài phóng sự này, thay vì trẻ môi và nhìn tôi bằng đôi mắt kinh ngạc, hoài nghi, hay nhạo báng, trù rủa tôi, bạn hãy bình tĩnh nghe những lời ký sự của một người, người ấy cũng như bạn, cũng như hầu hết các bạn trí thức Bắc Kỳ, đã cố tình chế nhạo một Tôn-Giáo mới phát-sinh ở xứ ta. Tôi nói «mới phát sinh» thực ra không đúng lắm, bởi vì theo lịch Cao-đài thì nhân loại đang ở vào năm thứ X của Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, nghĩa là Tôn-Giáo ấy đã phát triển được mười năm nay rồi.

« Một nhà xã hội học sáng suốt chắc hẳn đã nhận thấy rằng từ đầu phần tư thế kỷ này, nước Việt-Nam đã chịu một cuộc chuyển động đột ngột. Đã có một sự xáo trộn toàn diện trong kiếp sống của Dân tộc, trong tư tưởng và trong tín ngưỡng của nhân dân. « Sự hai cu Phan (Phan Bội Châu và Phan chu Trinh) hồi hương đã là triệu chứng

dấu tiên của cơn sốt mỗi ngày mỗi tăng thêm nhiệt độ. Về phương diện chính trị, là cuộc cách mạng trong tất cả các trí óc và trong tất cả các con tim. Về phương diện kinh tế, là cuộc phát-triển lan rộng của kỹ nghệ, là sự thành lập những hợp tác xã và những liên đoàn. Về phương diện văn nghệ, là sự cải cách ngôn ngữ, sự áp dụng những quan điểm mới về thi ca và nghệ thuật cho đến trên lĩnh vực Tôn-Giáo là sự khai sinh một Tín-ngưỡng mới.

« Hàng ngàn vạn tín đồ Cao-đài đâu phải toàn là những kẻ mê tín dị đoan, một số rất đông những người theo đạo mới, ở Nam-Ky, ở Pháp, là những nhà trí thức uyên bác, những giáo sư, Luật sư, vầu sĩ, ký giả, dân biểu quốc hội. Không phải là không có lý do chính đáng mà đạo Cao-Đài đã khiến cho cả thế giới đã bàn tán xôn xao về đạo ấy, mà nhiều tạp chí nổi danh ở Paris, London, Lisbonne, Varsovie,

TUẤN, CHÀNG TRAI

cả ở Roma và Buenos-Ayres hai kinh đô của Thiên-Chúa giáo ở Âu-châu và Nam-Mỹ, đã khởi sự nghiên cứu về tín điều và Giáo lý Cao-Đài.

« Tác giả thiên điều tra này đã được đặc ân lục lợi trong Văn-Khố của Tòa Thánh Tây Ninh, và được đọc những bức thư, những tài liệu quý báu, những đơn xin quy-y gửi đến đức Hộ pháp do những

nhân vật ngoại quốc ở nhiều thủ đô Âu Châu và Mỹ châu. Cho đến cả nước Nhật Bản là một xứ rất hãnh diện về Võ sĩ đạo, cũng đã gửi đến Tòa Thánh Tây Ninh một phái đoàn học giả để nghiên cứu và tìm hiểu xem Cao-Đài là đạo giáo mới lạ như thế nào mà đã làm xôn xao dư luận quốc tế... »

(còn nữa)



Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số. 26.893

31.33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Phá sản của chương-trình Việt. . .

(tiếp theo trang 9)

Cho nên tôi rất thương xót các thế hệ học sinh và sinh viên Trung Đại học Việt-nam ngày nay. Tôi nghiệp cho các lớp bạn trẻ thông minh, tuấn tú ấy đã không được ưu thế như các lớp đàn anh, lại còn bị bắt buộc phải hấp thụ các môn khoa học và toán học Tây phương bằng một thứ tiếng Việt-Nam lai Tàu!

Bởi tiếng Việt thuần túy của ta không có đủ yếu tố thích ứng về khoa học, nên người ta đã phải đi mượn một mô Hán-tự mới, của Tàu, lủng ca lủng củng, để «tạm dịch» (vì không thể dịch đích xác được) những danh từ khoa học và toán học Tây-phương.

Đề đến khi họ ra trường, tốt-nghiệp các bằng-cấp Trung Đại học, họ muốn trau dồi thêm trí thức bằng các sách báo khoa học ngoại quốc, họ đành phải bó tay. Vốn liếng Toán Lý Hóa ky-cóp được trong 7 năm Trung học không thể mở rộng được nữa, và đành để dần dần mai một hết. Bảy năm học chương trình Việt chỉ mất công toi, không lợi ích gì bao nhiêu cho Quốc gia Dân tộc và cho cá nhân họ.

Các bạn Sinh viên Y, Dược, Khoa học, sau khi tốt nghiệp Đại học Việt nam với một chương trình Việt ngữ, không thể nào bước thêm lên các bậc Cao-học để song song tiến theo kịp trình độ Đại và Cao-học Quốc-tế. Ngay ở trong Nước, họ muốn trau dồi thêm trí thức, họ cũng gặp rất nhiều trở ngại, khó khăn, vì những hiểu biết ngoại ngữ của họ không đủ để học hỏi thêm, để tìm tòi và nghiên cứu các sách ngoại ngữ mỗi ngày mỗi tràn ngập trên thị trường quốc tế.

PHÁ SẢN CỦA..

Có thể nói rằng Đại học Việt Nam hiện tại chỉ đào tạo được những lớp « trí thức nội hóa » để dùng trong các công tác quốc nội mà thôi, và trong phạm vi « lò cán » nhỏ hẹp. Họ không có phương tiện đua tranh phát triển với các thế hệ sinh viên ưu tú của thế-giới.

Do đó, tình trạng chậm tiến nhược tiểu, của quốc-gia và dân tộc Việt Nam biết bao giờ mới chấm dứt?

Theo chủ trương học hoàn toàn chương trình Việt ngữ ở Đại học, các sinh viên tốt nghiệp, dù Y khoa, khoa học, hay sư phạm, văn khoa, luật khoa, kỹ thuật, v.v... đều ở tình trạng tù hãm và đình trệ. Các bạn trẻ ấy sẽ ra làm « bác sĩ », « kỹ sư », « giáo sư », « luật sư », nhưng đối với các lớp sinh viên du học ngoại quốc thành tài trở về phụng-sự quốc gia chắc chắn có sự cách biệt như một trời một vực. Những bạn tốt nghiệp Đại học Việt Nam không có con đường tiến, phải đứng mãi một chỗ, trong lúc sinh viên ở Ngoại-Quốc về có đầy đủ khả năng hơn để theo rồi được hàng ngày, và đuổi theo kịp bước tiến bộ mỗi ngày mỗi nhanh, mỗi xa, của khoa học thế giới.

Trong tình thế đó, xin hỏi Đại học Việt-nam có làm tròn nhiệm vụ đào tạo nhân tài cho đất nước Việt-nam không?

Hay lại rơi vào vết xe của chánh sách thực dân Pháp, mở trường Cao Đẳng Đông Dương Hà nội chỉ cốt rèn luyện một lớp cán sự « local », y sĩ, giáo học, kỹ sư « local », để « tiêu thụ » trong khuôn khổ nội bộ, nhược tiểu, của địa phương mà thôi?

N. V.

Kỳ sau : Học ngoại ngữ, có vong bản không? Có bị nô lệ cho ngoại quốc không? Có bị « văn hóa xâm lăng » không?

Mình nói chuyện về

HOA ĐÀO

cho em nghe, đi

* ĐIỀU - HUYỀN

ÔNG Tú vừa cắn hột dưa vừa chậm rãi mỉm cười nói với bà Tú :

— Có một chữ thiệt dễ mà hơn 30 năm nay anh cứ thắc mắc mãi bây giờ anh mới hiểu đúng nghĩa.

— Chữ gì mà khó vậy, Minh?

— Lúc 10 tuổi, anh đọc nơi

phụ trương Hoa ngữ của một quyền tạp chí « Nam Phong », một bài thơ tứ tuyệt bằng chữ Nho của Ngọc Anh Nữ sĩ...

— Ngọc Anh nữ sĩ là ai, hả Minh?

— Là vợ lẽ của ông Án sát tỉnh Sơn Tây, ở Bắc Việt. Lúc bấy giờ bà còn trẻ mà đã giỏi chữ Hán. 1954 bà di cư vào Sài-

gòn, nay chắc bà cụ đã 90 tuổi là ít. Giới trí thức người Bắc thường gọi bà là cụ Án Sơn, hay là cụ Án Cao, theo họ ông Án.

Bài thơ có 4 câu :

Tích niên lang chủng song đào thụ,

Kim kiến đào hoa, bất kiến lang.

Giả sử hoa thần như hữu cảm,

Vị lang tiếu tụy giảm thanh xuân.

[Bốn câu thơ rất dễ như thế đó mà lúc bấy giờ anh hiểu nghĩa sai.

Năm xưa chàng trồng hai cây đào.

Nay thấy đào nở hoa mà không thấy chàng,

Giả sử hồn hoa có cảm giác,

Thì chắc là hoa phải tiếu tụy, kém tươi, vì vắng chàng.

Sai hai chữ **Song đào** : Anh vẫn thắc mắc có phải nữ sĩ muốn nói là « hai cây đào » không ? Nhưng theo ý nghĩa bài thơ thì bảo chàng trồng « một cây đào » không được sao, hà tất phải 2 cây ? Một cây đào, để khi hoa đào nở hai người cùng chung thưởng thức hoa,

có phải là bài thơ tế nhị hơn không ? và ý thơ tình tứ hơn không ? Trên 30 năm nay, thỉnh thoảng anh nhớ lại bài thơ của Ngọc Anh nữ sĩ, thì cái thắc mắc kia lại hiện ra trong ý nghĩ của anh. Anh có hỏi nhiều người khá chữ Nho, ai cũng hiểu ba chữ « Song đào thụ » là 2 cây đào, nhưng anh vẫn nghi ngờ.

Mãi đến hôm Tết vừa rồi anh đi Huế, ghé thăm Chùa Linh Mục, thấy 2 cây đào trở hoa đẹp quá. Anh hỏi Thầy Hòa thượng tên hai cây đào ấy là gì, thì thầy bảo :

— Cây đào này, gọi là « Bích Đào », còn cây đào ở phía sau liêu, gọi là « Song Đào. »

— Bạch Thầy, sao gọi là Song Đào.

— « Song Đào » có nghĩa là loại đào nở hoa kép, mỗi mầm trở 2 nụ hoa dính liền chùm. Còn hoa Bích đào thì mỗi mầm chỉ trở một nụ hoa thôi.

— A, thế ra loại đào này tên là Song-Đào ?

— Vâng.

Anh đọc lại bốn câu thơ

Hán tự của Ngọc-Anh nữ sĩ, và thua với Hoà thượng Đôn Hậu :

— Bạch Thầy, thì ra « Tích niên lang chủng song đào thụ, là năm xưa chàng trồng « cây song đào », chứ không phải «... chàng trồng « hai cây đào » như con đã hiểu nghĩa sai, trong 30 năm nay. Hôm nay nhờ Thầy chỉ cho, con mới hết thắc mắc về ba chữ « Song đào thụ » của bà Ngọc Anh.

Hoà Thượng nở một nụ cười từ bi dễ thương lạ.

— Thế ra Hoa Đào có hai ba loại Minh ơi ? Hoa Anh Đào của Nhật cũng là một loại Đào như bên ta, hay khác hả Minh ?

— Khác. Nhưng bây giờ hãy nói về hoa Đào Việt-nam trước đã. Anh không chịu danh từ Bích Đào, vì hoa Đào này màu hồng chứ không có màu xanh, thì gọi Bích Đào là không đích xác. Anh thấy có một lớp sương mỏng đọng trên cánh hoa, làm tăng nét diễm lệ thủy mị và trinh bạch của hoa, nên anh thua với Hoà thượng đổi tên nó là « Tuyết Đào ». Loại đào này cũng như loại Song Đào, cùng

một giống với cây đào của Tàu, có loại hoa hồng, hoa trắng, hoa đỏ, đẹp lắm. Về y khoa, hoa Đào là một vị thuốc nhuận trường rất tốt. Nó cũng có thể chữa bệnh sán lại, khá hiệu nghiệm. Loại đào này không riêng gì ở Việt-Nam và Trung Quốc, Nhật bản. Ở Âu-châu, cũng có. Như ở Pháp nó mọc rất nhiều dọc theo sông Rhône và các chi nhánh ở hữu ngạn sông Rhône, nhất là ở Eyrieux, Doux, v.v...

Đào không chịu được khí nóng cho nên gần nhiệt đới như ở miền Nam Việt-Nam nó không mọc được. Nếu có thì hoa ít lắm, hoặc không nở hoa. Từ Huế trở ra, nó mọc nhiều. Nhất là ở Bắc Việt, đào là loại hoa đặc biệt của mùa xuân Thăng-Long, với hoa Thủy-Tiên. Nó là hoa quốc túy (fleur nationale) của đồng bào miền Bắc cũng như Anh-đào của người Nhật vậy.

— Hoa-đào, tiếng Pháp gọi là gì, hả Minh ?

— Fleur de pêcher. Pêcher là cây đào.

— Tiếng Anh ?

— Peach-Flower... Peach-tree
— Hoa mai, tiếng Pháp là gì ?

— Le prunier là cây mai. Fleur de prunier, hoa mai.

— Tiếng Anh ?

— Plum-tree. Plum flower.

— Bên Tây-phương cũng có hoa mai hả Minh ?

— Có chứ. Ở miền Bắc nước Pháp chẳng hạn, và ở Bỉ, ở Đức, ở Anh, miền Scotland, có cây mai mọc nhiều. Nhưng trái mai của Tây phương lớn và ăn được. Có loại trái tròn màu vàng, gọi là « mirabelle », hơi chua, có loại màu tím, gọi là « reine-claude », thì rất ngọt. Dân bà Pháp thường dùng trái mai để làm bánh. Mai ở Tây phương cũng như mai Việt-Nam có hai loại, hoa trắng (Bạch mai) và hoa vàng (Hoàng mai). Ở Nhật-bản, có loại « song mai » (hoa kép), chỉ có 3 cánh, và màu hồng đẹp tuyệt. Đó là loại « prunier trilobé ». Ở Việt-Nam mình không có giống mai đó.

— Còn cây Mận, sao em thấy

hoa mận cũng trắng và giống như hoa mai ?

— Mận là « abricotier », hoa giống như hoa mai, nhưng trái nó lớn, ăn chua, loại tím đen và loại vàng, nhiều sinh tố C và pro-sinh tố A.

— Ở Đà-lạt, về xóm Trại Hầm có nhiều mận quá, Minh ơi. Em đã ăn thử mận ở đây rồi.

— Ngọt không ?

— Ồ, chua kinh khủng, người ta bảo bóp cho trái mận thật mềm rồi chấm với muối ăn ngọt lắm. Nhưng em cần một miếng, chua chảy nước mắt, Minh ơi !

— Em vứt đi à ?

— Không. Em ăn vài chục trái rồi ề răng quá em mới thôi.

— Chịu chơi đấy !

Bà Tú cười, chảy nước miếng :

— Chua thì chua, nhưng giờ bây giờ có vài ba chục trái mận em cũng ăn hết... À Minh, ở Đà-lạt cũng có hoa Anh-đào đấy, Minh à.

— Đó không phải hoa Anh-

đào. Người Đà-lạt gọi là Hoa mai, nhưng cũng không phải là hoa mai. Nó chỉ là một loại hoa Đào rừng. Tiếng Pháp gọi đúng tên nó là « merisier », chứ không phải « cerisier » (Anh-Đào). Tiếng Anh gọi là « Wild cherry. » Loại Đào rừng Đà-lạt (tiếng latin là *cerasus avium*) ở Nhật bản không có, nhưng ở Âu châu thì nó mọc cùng cả, nhất là ở Anh quốc. Trái nó nhỏ mà đen, chưa chua ngọt ngọt. Người Anh dùng trái nó nấu ra một thứ rượu gọi là « Kirsch », mà họ cho là ngon tuyệt.

Hoa Anh-đào, thứ thật, có trên 100 loại khác nhau và mọc ở các xứ lạnh, và đất xốp, ở Nhật (miền Bắc nhiều hơn), ở Âu châu và Bắc Mỹ-châu. Vỏ cây láng và thường thường hoa nở trước khi lá xuất hiện. Tiếng latin gọi là « *cerasus vulgaris* ». Nguyên thủy nó mọc ở Tiều-Á, và Nhật bản. Trái của nó có hai loại: loại chua như « Belle de choisy, Belle de Chaterney, Hoàng hậu Eugénie, Hoàng-hậu Hortense, v.v. » loại ngọt như Napoléon, Jaboulay, Reverchon, v.v. Trái Anh-đào có rất nhiều sinh tố C và pro-sinh-tố A.

Riêng ở Nhật, hoa Anh-đào mọc nhiều nhất ở các vùng Kyoto, (đời Kyomizu), ở Hakkone, Arashiyama, Saga. Bề cao của nó trung bình là 8m. Ở Shidare có những cây Anh-đào cao 9m50. Ở Jindai, anh-đào cao đến 10m50.

— Hoa Anh-đào, tiếng Nhật gọi thế nào hả Minh ?

— Sakura. Theo ông « Motokatsu Mizuno » khảo cứu, năm 1681, thì có 40 loại anh-đào. Năm 1713 một người Nhật đã tìm ra được 55 loại anh-đào. Nhưng các nhà trồng hoa mới đây đã khám phá ra tất cả 400 loại anh-đào. Dĩ nhiên, nó là loại pos quốc-hồn quốc-túy của dân tộc Phù-tang. Cho nên nó được các nhà Thơ của xứ Mặt Trời Mọc ca ngợi nhiều nhất. Từ thế kỷ thứ VIII, năm 733, đã có một thi sĩ vô danh viết bài « Cầu nguyện » :

*Rơi nhẹ nhẹ,
Mùa xuân nhé !
Đừng làm tan tác
Những cánh hoa Anh-Đào
Trước khi ta ngắm hoa !*

« Saigyō » (1118-1190) nhà thi-hạo đã cạo đầu đi tu ở chùa

lúc 23 tuổi, tên thật là Satō Norikiyō, làm bài « Nguyên-vọng » :

*Ta ước muốn được chết
Dưới gốc cây Anh-Đào.
Lang nở hoa đầy cành
Ngày 15 tháng 2 !*

Ngày 15-2, bên Nhật, là một ngày vía Phật Nhập-Diệt.

Công chúa « Shikushi » (1201) con gái của Hoàng đế Go-Shiragawa, đọc Kinh Phật, tự nhiên chán đời, gặp hôm hoa Đào rụng rơi bời, lấy bút chép thơ :

*Hoa Đào rơi, rơi...
Ta buồn, ngồi ngắm một cuộc đời
Không sắc, không hoa.
Rỗng không, mệnh mỏng một trời
Mưa xuân rơi, rơi...*

« Motoori Narinaga » (1730-1801) suy-tôn hoa Anh-Đào trong lòng người Nhật :

*Ai hỏi ta
Cái gì ở trong tim Yamato
Nở trên trăm hòn đảo
Thơm ngát, mùa xuân ?
Ta bảo : hoa Anh-Đào !*

« Tachibana Akemi » (1812-1868), nhà thơ độc đáo mở đầu thế kỷ XIX bằng một nụ hoa Anh-đào :

*Ta vui khỏa
Khi ngủ dậy
Ta ra vườn
Ngắm một cành Anh-đào mới nở*

Hôm qua nó chưa nở.

Bài thơ của thi sĩ Nhật ngắm hoa Anh-đào khiến chúng ta nhớ mấy câu thơ của Thi hào Pháp, « Ronsard » (1524-1585) nói về Hoa Hồng :

*Mignonne allons voir la rose
Qui ce matin avait éclosé
Sa robe de pourpre au soleil.*

(Em ơi, chúng ta ra vườn xem hoa Hồng)

*Sáng nay phở bày ra mặt trời
Chiếc áo đỏ tươi)*

Nữ thi sĩ « Yosano Akiko », giám đốc tạp chí văn nghệ « Sao Mai », một bóng hồng duyên dáng trong Tao-Đàn Phù-tang « 1878-1941 », ca ngợi hoa anh-đào say mê nhất :

*Ta không thích trà mi,
Ta không thích hoa mai,
Ta không thích các hoa màu
trắng.*

*Ta chỉ yêu Anh-Đào,
Màu hoa của tim ta.*

Cảm động và thắm thía biết

bao, 3 câu thơ « haiku » (17 chữ) sau đây :

*Cánh hoa anh-đào cuối cùng
Đã chết, Xuân đã qua,
Lòng ta buồn; lệ ứa sa.*

— Thơ Tào chắc cũng ca ngợi hoa Đào nhiều lắm, Minh nhỉ?

— Cũng có nhiều.

— Minh đọc cho em nghe những câu thơ hay nhất nhé.

— Trong bài « Khúc-Giang đối tửu » của Đỗ-Phủ, một thi-bá đời Thịnh-Đường (712-771) có hai câu này, anh thích nhất :

*Đào hoa tế trực dương hoa lạc,
Hoàng-điều thợt kiêu bạch-điều phi*
(*Hoa đào hoa liễu âm thầm rụng
Chim trắng chim vàng man mác bay...*)

Tả cảnh chiều hôm dưới đôi mắt lơ mơ của thi-sĩ đã chênh choáng hơi men.

Thi sĩ « Lý-thái-Bạch » (701-762) bậc Thi Thánh của Trung-quốc, một hôm lên núi chơi, say rượu rồi ở luôn trên núi, không muốn về nhà. Người bạn đi tìm gặp, hỏi « sao ở luôn đây ? »

Thái-Bạch không trả lời, chỉ viết 4 câu thơ :

*Vấn dư hà sự thê bích san
Tiểu nhi bất đáp tâm tự nhàn,
Đào hoa lưu thủy điều nhiên khứ
Biệt hữu thiên địa phi nhân gian !*

(*Hỏi ta sao ở trên núi xanh ?
Lòng ta khoan khoái cười, làm thảnh.*)

*Kìa, hoa-đào trôi theo giòng nước,
Riêng biệt Trời đất cảnh hữu tình !*

Trương Húc, nhà thơ quê ở Tô Châu, chữ tốt có tiếng dưới thời Đường-huyền-Tôn, cũng say mê nhìn hoa Đào rụng trôi sông trong bài « Đào hoa khê ».

*Đào hoa tận nhật tùy lưu thủy
Động tại thanh Khê hà xứ biên ?*
(*Hoa đào suốt ngày trôi theo nước
Suối trong, Động Đào ở nơi mờ*)

« Đỗ-Phủ », trong bài « Mạn Hứng » cũng khoái xem hoa đào trôi :

*Tràng đoạn xuân giang dục
tận đầu
Trượng lệ trừ bộ lập phương
châu
Diên cuồng liễu như tùy
phong vũ*

*Kính bạc đào hoa trực thủy
lưu*

(*Buổi thấy sông xuân sóng
dạt về.*)

*Thần thơ chổng gậy đứng
nhìn theo*

*Diên cuồng tư liễu lao xao
gió,*

*Mỏng mảnh hoa đào nước
cuốn veo...*)

Có cái chàng Thôi Hộ, đỗ tiến-sĩ dưới đời vua Đức Tôn (780-805) nổi tiếng vì một chuyện tình duyên hi hữu với cô gái vườn Đào. Lúc còn là thư sinh, một hôm đi chơi về phía Nam Thành Lạc Dương, thấy một vườn Đào, hoa nở đỏ rực, đẹp ôi là đẹp. Chàng gõ cửa ngôi nhà trong vườn, đề xin nước uống.

Không ngờ có cô gái tuyệt đẹp mở cửa, bèn lên chào và mời vào nhà. Uống nước xong, chàng lễ phép cáo từ. Năm sau, nhớ người thiếu nữ, chàng trở lại vườn đào, ngôi nhà đóng kín cửa, chàng gọi mãi không nghe ai ra mở. Chàng liền làm bài thơ « Tích sở kiến xứ » dán nơi cửa rồi đi về. Ba hôm sau,

chàng trở lại, cửa vẫn đóng nhưng có tiếng ông già khóc. Chàng gõ cửa, ông già ra mở, hỏi : Cậu là ai ?

— Thưa cháu là Thôi-Hộ.

— Cậu là tác giả bài thơ dán nơi cửa ?

— Dạ phải.

— Tại bài thơ đó, con gái tôi đọc rồi buồn, nhớ cậu, bỏ ăn uống, chết hôm qua.

Thôi Hộ xin phép vội vàng chạy vô buồng thấy giai nhân nằm thiêm thiếp trên giường, khóc ôi là khóc. Nước mắt rơi trên mái nang. Bỗng nang chớp mắt hồi tỉnh và dần dần sống lại. Chàng thư sinh đa tình xin cưới ngay nàng làm vợ.

— Bài thơ thế nào mà khiến nàng mê chàng dữ vậy, Minh ?

— Bài : « Đề tích sở kiến xứ »

*Khứ niên kim nhật thử môn
Trung*

*Nhân diện đào hoa tương
ánh hồng*

Nhân diện bất tri hà xứ khứ

*Đào hoa y cựu tiếu đông
phong,*

(Ngày này năm ngoái gặp bên
 song
 Như cánh đào hoa nàng ửng
 hồng
 Nay biết tìm đâu người đẹp
 nhi ?

Hoa đào cười mỉm với đông
 phong !)

Kề những thơ ca tụng hoa
 đào trong văn học sử Trung
 quốc thì rất nhiều, cũng như thơ
 Nhật tán dương hoa Anh Đào
 vậy.

Ngoài ra, văn chương Tây
 phương và của các nước khác
 ở các lục địa Á-Mỹ-Phi không
 tha thiết mấy với hoa Đào. Bởi
 vì thẩm mỹ quan của các nhà
 thơ của các xứ ấy khác hẳn
 với các nhà thơ Trung-quốc và
 Nhật bản.

— Còn hoa Đào trong thi ca
 Việt-Nam ?

— Phần đông nhà thơ Việt-Nam
 ở mấy thế kỷ trước tuy chịu
 ảnh hưởng của văn chương Tàu,
 và đến mùa Xuân cũng thích
 chơi hoa Đào, hoa Mai, nhưng
 trong văn thơ họ chỉ thường
 nhắc đến hoa Cúc, hoa Sen hơn
 là hoa Đào, hoa Mai, hoa Lý.

Cho đến đời m ấy ngày xuân,

trong nhà ông thị sĩ nào ở Thăng
 Long cũng có một cành Đào hoặc
 một bát thủy tiên rất nên thơ.
 thế mà họ lại dùng mấy vật sau
 đây để tiêu biểu cho mùa Xuân
 dân tộc :

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối
 đỏ,

Nêu cao, pháo nổ bánh chưng
 xanh

Thật là mắc cỡ với người
 Nhật và người Tàu trên phương
 diện văn hóa !

Câu chuyện Hoa Đào đến đây
 đã hơi dài, bà Tú không muốn
 làm mất nhiều thì giờ của ông
 Tú.

Bà bảo :

— Minh ơi, Minh viết gì thì
 viết đi, em xuống bếp chiên một
 cái bánh chưng lên ăn chơi nhé.

— Ừ.

Một lúc sau bà bưng lên một
 đĩa bánh chưng chiên nóng hổi,
 một đĩa củ hành chua, trắng bóc,
 và một ly cà-phê sữa hơi bay
 lên ấm áp ngon lành... đây là
 chiếc bánh chưng cuối cùng và
 ngày Tết cuối cùng của năm con
 Đê của ông Tú và bà Tú.

Diệu-Huyền

BẠN ĐỌC VIẾT

* của Một nhóm Nữ sinh Nữ Trung-học Đalat

... Chị Diệu-Huyền yêu mến, trường chúng em có treo
 nhiều giải thưởng mà giải nhất là 1 radio transistor trị giá
 12.000đ cho trò nào trả lời được 12 câu hỏi sau đây. Tụi em
 khoái cái radio lắm, nhưng mấy câu hỏi mắc oi là mắc,
 vậy nhờ Bà Tú Diệu-Huyền gả giùm tụi em, nhen. Nếu tụi
 em được cái radio, tụi em sẽ mời bà Tú và ông Tú dờn gót
 ngọc lên xứ mọi Koho này để tụi em vặn Radio cho anh
 chị Diệu-Huyền nghe. Thưa sau đây là 12 câu hỏi « hóc-
 búa » của bà Hiệu trưởng-trưởng tụi em :

Câu 1 : Trong một gia đình gồm có : 1 ông, 1 bà, 3
 cha, 2 mẹ, 4 con trai, 2 con gái, 3 anh trai, 2 em gái, 1
 bố vợ, 1 mẹ vợ, 1 em rề, 1 anh vợ, 3 anh em trai con cô,
 cậu, 1 em gái con cô cậu, 1 cậu, 1 dượng rề, 1 cô, 6 cháu
 trai, 2 cháu gái. Vậy xin hỏi :

a) Gia đình ấy có ít nhất là bao nhiêu người ?

b) Và dây liên lạc gia đình với nhau thế nào ?

Câu 2 : Vài thuyết cho rằng Shakespeare là 1 nhân
 vật tưởng tượng, những kịch phẩm của ông đã được nhiều
 người khác viết.

a) Kể tên người đã được gán cho là tác giả của
 những kịch phẩm của ông.

b) Shakespeare cũng có làm thơ, vậy tuyển tập thơ
 của ông mang tên gì ?

c) Và gồm có mấy bài thơ ?

d) Sinh quán ông ở đâu ?

BAN ĐỌC VIẾT

Câu 3: Quyên tiểu thuyết « Thi sĩ Kỳ-phong » xuất bản ở Hà-Nội, vậy xin hỏi : a) Tác giả là ai ?

- b) Bút hiệu của tác giả là gì ?
- c) Năm xuất bản.

Câu 4: Trong cuốn « La Littérature », mục « La Littérature, expression de la société » của giáo sư Thạc sĩ Fernand Baldensperger (1913) có viết câu : « l'Histoire est une géographie qui marche et la littérature quelque chose comme une démographie qui parle ou qui rêve ». Vậy khi viết câu ấy, Giáo sư Thạc Sĩ muốn nói gì ?

Câu 5: Đĩa hát đầu tiên do ai sáng chế ? và vào năm nào ?

Câu 6: Chữ Etc... (vân vân) là chữ viết tắt của những chữ nào ? những chữ ấy thuộc về tiếng gì ? và nghĩa đúng ra sao ?

Câu 7: Tại sao tháng giêng dương-lịch lại có tên Janvier (Pháp), January (Anh) ?

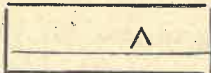
Câu 8: Ai là tác giả cuốn « Don Quichotte » ?

Câu 9: Những người nào lãnh giải Nobel đầu tiên :

- Về văn chương... ?
- Về Vật-Lý... ?
- Về Hóa-học... ?
- Về Y khoa... ?

Câu 10: « Tượng nữ thần tự do » ở Mỹ là của nước nào tặng ? được dùng vào năm nào ? Và là tác phẩm của nhà điêu khắc nào ?

Câu 11:



Câu 12: Xin đặt câu kết của chuyện vui cười sau : một bệnh nhân vừa thoát khỏi dưỡng trí viện ra. Anh ta vào 1 hàng bán sơn và nói :

— Bán cho tôi 1 thước sơn.

BAN ĐỌC VIẾT

Người bán hàng biết ông khách này điên liền lấy cây cọ quét 1 lần dài 1 thước, rồi nói :

— Đấy ông có thể đem về.

Ông khách gật đầu :

(?)

Đó, chị Diệu-Huyền ơi, sức mấy mà tui em trả lời được 12 câu đó kia, vậy chị trả lời giúp gấp cho tui em nhé chị. Năm mới tui em chúc « ông Tú bà Tú » « đầu năm đẻ con trai, cuối năm đẻ con gái ».

Thay mặt mũi cho tui em :
Thanh-Hồng, Anh-Đào, Quý.
(Đề 2C)

★ ĐÁP :

Câu 1 : Gia đình ấy có cả thảy 9 người, và liên hệ gia đình như sau đây :

1 ông cụ	{	1 ông con trai	}	2 con trai
+ 1 bà cụ		góa vợ		
sinh ra		và có :		
		1 bà con gái	}	1 con gái,
		+ 1 chồng		

Câu 2 : a) Shakespeare không phải một nhân vật tưởng tượng. Nhưng thời bấy giờ có một dư luận muốn đim bạc vĩ nhân ấy, và phao đồn rằng các kịch phẩm kiệt tác của ông là do một người khác viết tên là Francis Bacon. b,c) — Shakespeare có làm 2 bài thơ dài: *Venus and Adonis* (1593), và *The Rape of Lucrece* (1594) và 1 thi tập toàn là *Sonnets* (1609).

d) — Strasford.

Câu 3: a) Tác giả tiểu thuyết *Thi sĩ Kỳ phong* là Nguyễn Vỹ.

BẠN ĐỌC VIẾT

- b) Ký bút hiệu là *Lé-Chi*.
c) Xuất bản năm 1936

Câu 4: *L'Histoire est une géographie qui marche. Lich sử là một cuộc biến chuyển liên tục của đất nước, et la littérature une démographie qui parle ou qui rêve,*

Và văn chương là tiếng nói hay là giấc mơ của dân chúng.

Câu 5.— Đĩa hát đầu tiên do *Thomas Edison* sáng chế năm 1877.

Câu 6.— Etc : *et coetera*, tiếng latin, nghĩa là : và những cái tiếp theo.

Câu 7.— Thời Thương cồ, người La-mã dùng tháng đầu trong năm để thờ Thần *Janus*, nên gọi tháng đó là *Janvier* (Pháp), *January* (Anh).

Câu 8.— Tác giả quyển *Don Quichotte* là *Cervantès* văn hào Y-pha-Nho.

Câu 9.— Những giải Nobel đầu tiên :
Văn chương : *Sully Prudhomme* (Thi sĩ Pháp) 1901.
Vật-lý : *C. Rontgen* (Bác học Đức) 1901.
Hóa học : *Vant'Hoff* (bác học Hòa-Lan) 1901.
Y-học : *Von Behring* (Bác sĩ Đức) 1901.

Câu 10.— Tượng thần Tự-Do ở Mỹ là của nước Pháp tặng năm 1886, do nhà điêu khắc *Bartholdi*.

Câu 11.— Cảnh buồm ngoài khơi biển.

Câu 12.— Ông khách gặt đầu :

— Được. Nhờ ông cuộn tròn lại giùm.

Cần Đến kinh kỳ, Bản hãn dã dưới, hay là đang hành kinh mà đau bụng, sống :
Lời Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt
Saigon 228 Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc « **Ông Tiên** »; Phú-Lâm Cholon
K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »**
30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)



ĐÁP BẠN BỔN PHƯƠNG

★ **DIỆU-HUYỀN**

★ **Bạn Mai Hồng Thu, Trưng Chánh.**

Mời bạn đến Tòa-soạn buổi sáng vào khoảng 10 giờ, bất cứ ngày nào, trừ chủ nhật.

★ **Bạn Thu Ánh, Quân y, Vũng Tàu**

— 5-11 Giáp tuất : 11-12-1934
— 11-12-1935 : 16-11- át-hợi.

★ « **Một người đang yêu** » **Gia đình.**

D. H. có nhận được thư, xin thành thật cảm ơn nhiệt tình của bạn.

★ **Bạn Nguyễn đình Dzin, KBC 4.523**

Bạn cần đi Bác sĩ. Đó là một bệnh thuộc về thần kinh hệ.

★ **Bạn KH. Nha Trang**

1) 16-8-1932 : 15-7 Nhâm Thân.

2) Ở saigon có bán các loại kem Nhật trị các chứng đó, cho đàn bà và đàn ông.

★ **Bạn Đào thanh Khiết, Manila, Philippines**
Sẽ có thư riêng, Thân mến.

★ **Bạn Hồng Yến, Nữ sinh viên Y-khoa, Paris.**

Quyển « **Mồ hôi Nước Mắt** » đã gửi bằng phi. cơ sang bạn ngày 25-12-66. Nếu bạn không nhận được thì chắc bị ai lấy cắp rồi. Sẽ gửi bạn quyển khác, nhận được xin tin cho biết.

— Đã lâu rồi, tôi không liên lạc với Ô. G. Meillon.
— Thành thật cảm ơn thiện cảm của bạn.

ĐINH-CHÍNH CỦA ÔNG NGUYỄN-VĂN-CỒN (Paris)

Paris, ngày 6-3-67

Anh Nguyễn Vũ thân mến,

Tôi đã nhận được số Chính Luận ra ngày 26-2-67, số 869 và đã ngạc nhiên thấy có tên tôi trong thành phần một Chính phủ lưu vong (?)

Tôi rất bất bình với cái tin vệt này và cực lực phản đối. Tôi rất mong anh làm ơn trên tờ Chính Luận, hay bất cứ trên một tờ báo nào ở Saigon cũng được, cải chính là tôi không bao giờ tham dự một « Chính phủ » nào, dầu là trong nước, hay ngoài nước. Anh làm ơn đính chính giùm, tôi rất cảm ơn, và không muốn để các bạn đọc Phổ Thông hay các bạn khác phải hoang mang. Tôi chỉ là một nhà văn tâm thường, không bao giờ có tham vọng « làm quan », mà chỉ mong phụng sự văn học Việt Nam.

Anh Nguyễn Vũ thân mến, anh đủ quyền cho đăng lên báo bức thư này của tôi, tự tay tôi viết ngày 6-3-1967 tại Paris.

Thân mến,
Nguyễn Văn Cồn
(Ký tên)

TÁI BÚT Theo đây, tôi gửi anh một bức thư, nhờ anh giáo lại ông Chủ nhiệm Chính Luận. Anh làm ơn chịu khó (vì là tin quan trọng) lại thăm ông Chủ nhiệm Chính Luận hộ tôi, về việc này

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

**của mọi người và
trong mọi gia - đình**



**NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐẦU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI**

EM NHỎ NÔNG!

Hay cho em uống

THUỐC BAN NÔNG KIM QUAM
(BAK MID K)

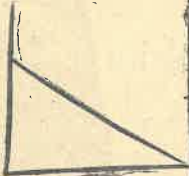
NHA THUỐC TÂY KIM QUAM

K.N số 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN- PHÒNG

110, đường Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoại 23. 187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-dịa-sư

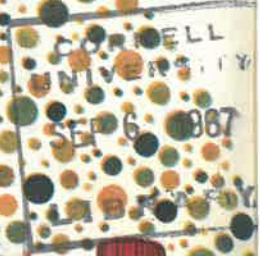
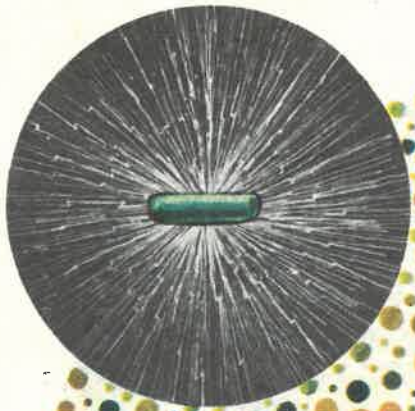
Geomètre — Expert

373, Phan-thành-Giản SAIGON

Kiểm-duyệt số 426 — ngày 10-3-1967
Giấy phép số 292 CDVITINH ngày 9-10-1961
Quản-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

THƯ LÂM AN THƯ QUÁN
231, Phạm - Ngũ - Lão — SAIGON
☎ T. 25.861

GIÁ : 15 đồng
Công sớ : 20 đồng



Thuốc đánh răng

Perlon

TINH VỊ MÀU NHIỆM
nhờ có ly-tu

FLUOR



« SỞ Y-TẾ Công-Cộng ở Mỹ-Quốc đã nghiên-cứu và chứng minh hiển nhiên rằng chất **FLUOR** rất màu nhiệm, khiến bệnh sâu răng phải thoái bộ. Thiết tưởng rằng không dùng chất **FLUOR** để răng thêm khỏe mạnh, chẳng mấy tổn kém mà cũng chẳng chút hiểm nguy, thì thật là phi-lý! » Bác-sĩ ROBERT D. WRIGHT

Perlon bảo vệ ngà răng chống sâu răng